

KHOÁNG NHÂN TẠO

sản phẩm - ứng dụng



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC & KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH (TME)

Khoáng nhân tạo do Công ty TNHH Kỹ Thuật Môi Trường Trần Minh nghiên cứu và sản xuất dưới dạng bột, được chọn lọc và tổng hợp từ các loại khoáng chất có trong tự nhiên ở thể rắn, có thể hòa tan trong nước ở nhiệt độ 30-40^oC.

Khoáng nhân tạo có thể thay thế cho khoáng tại các mỏ thiên nhiên, cho ra đời các sản phẩm phục vụ cho việc trị liệu, chữa bệnh và tăng cường sức khỏe. Khoáng nhân tạo tiện dụng và thiết thực cho việc kinh doanh và sử dụng, tránh việc phụ thuộc vào nguồn khai thác khoáng từ thiên nhiên đang dần cạn kiệt

tổng quan





công dụng của các loại khoáng vi lượng

Các chất điện giải và nguyên tố vi lượng được cung cấp hàng ngày cho cơ thể qua thức ăn và nước uống. Tuy nhiên, có thể xảy ra tình trạng cơ thể thiếu chất điện giải và các khoáng vi lượng. Hoặc có thể nguồn cung cấp khoáng hàng ngày đủ, nhưng nhu cầu cơ thể tăng do lao động, chơi thể thao, bệnh tật, thời tiết khí hậu,...gây ra thiếu chất điện giải hoặc các yếu tố vi lượng, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và gia tăng bệnh tật.

THỐNG KÊ KHOÁNG VI LƯỢNG VÀ CÔNG DỤNG

TT	LOẠI ION	CÔNG DỤNG ĐỐI VỚI CƠ THỂ	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG
1	K⁺	- Điều hòa - cân bằng nước và điện giải cho cơ thể, giúp duy trì hoạt động bình thường cho hệ tim mạch, cơ bắp, tiêu hóa, tiết niệu. - Cần thiết trong việc xây dựng hệ thống: cơ và xương. - Giúp ngăn ngừa nguy cơ mắc các bệnh huyết áp, tim mạch, sỏi thận, chuột rút....	Mọi đối tượng trên 05 tuổi Đặc biệt: - Trẻ em - Phụ nữ mang thai - Người làm việc văn phòng
2	Na⁺	- Dẫn truyền tế bào thần kinh và cơ bắp - Ổn định huyết áp - Duy trì thẩm thấu dịch, kích thích dẫn truyền thần kinh, giúp cân bằng độ pH và bảo vệ cơ thể khỏi sự mất dịch. - Giúp điều hòa, giữ ổn định máu và chất lỏng trong cơ thể, hỗ trợ cơ thể hoạt động trơn tru và đúng cách.	Mọi đối tượng trên 05 tuổi
3	Mg²⁺	- Điều hòa đường huyết, duy trì huyết áp, tổng hợp protein, phát triển cấu trúc xương. - Giảm nguy cơ ung thư. - Cải thiện tình trạng rối loạn lo âu và stress. - Giảm nguy cơ tiểu đường tuýp 2. - Giảm nguy cơ đột tử do tim. - Giảm nguy cơ loãng xương. - Cải thiện trí nhớ ở người cao tuổi.	Mọi đối tượng trên 05 tuổi Đặc biệt: - Người già - Người bệnh tiểu đường, huyết áp cao - Người làm việc văn phòng
4	Ca²⁺	Ganxi là một khoáng chất giữ vai trò quan trọng trong cơ thể con người, là thành phần cơ bản cấu tạo nên xương và răng. Ganxi kết hợp với phospho, làm cho xương và răng chắc khỏe. Cần cho quá trình hoạt động của thần kinh cơ, hoạt động của tim, chuyển hoá của tế bào và quá trình đông máu.	Mọi đối tượng
5	Zn²⁺	- Giúp phát triển cơ thể: tạo tế bào máu, tái cấu trúc tim, tạo tế bào mỡ, duy trì tế bào gốc, phát triển hệ xương và cơ trơn, tái tạo các tế bào thần kinh vòng mạc, điều tiết lượng đường máu. - Đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển của thai nhi - Cần thiết cho sự phát triển của não bộ, vững trung tâm bộ nhớ của não. - Vai trò quan trọng đối với chức năng sinh sản nam và nữ. - Vai trò quan trọng với hệ miễn dịch, giúp cơ thể chống lại các tác nhân gây bệnh, tăng cường đề kháng và chống nhiễm trùng. - Giúp điều hòa vị giác và cảm giác ngon miệng.	Mọi đối tượng
6	HCO₃⁻	Giúp kiểm hóa cơ thể để phòng chống ung thư và các bệnh theo mùa	Mọi đối tượng
7	SO₄²⁻	Là thành phần chính của sụn khớp. - Giảm triệu chứng thoái hóa của khớp gối. - Tác dụng nhuận tràng, kích cơ ruột cơ bóp; trị chứng táo bón, khô tiêu....	Mọi đối tượng
8	Cl⁻	- Clo là một khoáng chất cần thiết cho cơ thể, là chất điện phân giúp cơ thể giữ nước, tránh tình trạng mệt mỏi, kiệt sức do thiếu nước gây ra. - Là một chất điện giải quan trọng, chiếm 70% lượng ion âm trong cơ thể người. Clo giúp cơ thể giữ nước, hấp thu kim loại và vitamin B12, ngăn ngừa bệnh đãng tri.	Mọi đối tượng
9	SiO₃²⁻	- Vai trò quan trọng trong việc hình thành xương, làm xương và răng chắc khỏe. - Duy trì hoạt động ổn định cho hệ thống động mạch, tĩnh mạch. - Kiểm hóa cơ thể giúp phòng chống ung thư và các bệnh theo mùa.	Mọi đối tượng

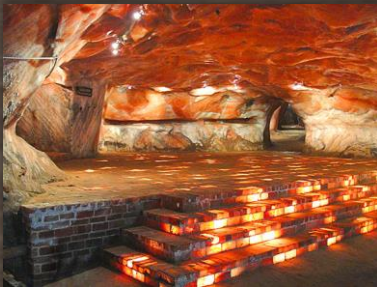
thành phần vi lượng của khoáng nhân tạo

Dựa vào tiêu chuẩn về hàm lượng và loại khoáng chất có trong nước khoáng thiên nhiên dùng cho mục đích trị liệu, khoáng nhân tạo do chúng tôi chọn lọc và tổng hợp, với nguồn nguyên liệu là các khoáng chất sạch sử dụng trong ngành công nghệ thực phẩm, sẽ có bảng chỉ tiêu tương đối như sau:



STT	LOẠI KHOÁNG	THÀNH PHẦN KHÔ (%)	THÀNH PHẦN TRONG NƯỚC (mg/L)
1	K^+	4.9	55.8
2	Na^+	8.3	95.4
3	Mg^{2+}	2.5	28.6
4	Ca^{2+}	4.5	51.5
5	Zn^{2+}	6.0	68.3
6	HCO_3^-	16.7	191.1
7	SO_4^{2-}	10.0	114.4
8	Cl^-	22.1	252.9
9	SiO_3^{2-}	12.2	139.3
TỔNG CỘNG			997.3

tính hợp lý của việc sử dụng khoáng nhân tạo



Việc ngâm tắm nước khoáng nóng là một liệu pháp tổng hợp giúp tăng cường sức khỏe, hỗ trợ chữa lành nhiều bệnh mãn tính, đặc biệt là các bệnh thuộc hệ cơ khớp, thần kinh, rối loạn tuần hoàn dinh dưỡng, hồi phục sức khỏe trong thời gian dưỡng bệnh, các bệnh phải nằm bất động lâu ngày...

Khoáng nhân tạo có thể thay thế hoàn toàn cho khoáng thiên nhiên, chủ động trong việc điều chỉnh hàm lượng vi khoáng, cũng như cho phép sự hiện diện của bất kỳ thành phần khoáng chất hữu ích nào như mong muốn; không cần xây bể chứa nước khoáng dự trữ; kiểm soát việc đóng cấu cặn trong hệ thống ống dẫn và máy móc thiết bị của các hệ thống ngâm tắm khoáng nóng dễ dàng.

Mặc dù số lượng các mỏ khoáng thiên nhiên rất phong phú và đa dạng, nhưng số lượng không nhiều, và trữ lượng cũng có giới hạn. Bên cạnh đó, thành phần khoáng chất có trong nước khoáng thiên nhiên, ngoài các loại muối khoáng hòa tan có ích cho cơ thể, có tác dụng trị bệnh, thì vẫn tồn tại một số lớn các muối vô cơ không tốt cho sức khỏe, muối các kim loại nặng: chì, arsen, thủy ngân,...



Khoáng nhân tạo cho hồ bơi

Do nước khoáng nhân tạo chứa nhiều thành phần khoáng vi lượng (anion và cation), nên nó có tác dụng khử khuẩn, chống rong rêu, và loại bỏ ấu trùng cho nước hồ bơi.

Mang onsen về tận nhà

Bằng cách sử dụng khoáng nhân tạo, ta có thể ngâm tắm khoáng nóng ngay tại nhà theo phong cách onsen Nhật Bản mà không cần phải đi ra ngoài

Hóa chất khử trùng - xử lý hồ bơi sẽ được loại bỏ, thay vào đó là dùng khoáng nhân tạo



Khoáng nhân tạo an toàn tuyệt đối cho sức khỏe người dùng. Sử dụng để bổ sung khoáng vi lượng cho cơ thể, phục hồi chức năng cơ xương khớp, cải thiện và tái tạo làn da, cân bằng nội tiết tố, hệ thần kinh.



NHẬN DIỆN SẢN PHẨM



MIBA

KHOÁNG NHÂN TẠO NGÂM TẮM TRỊ LIỆU





Khoáng chất có nồng độ cao được gọi là chất điện giải (macrominerals): Natri (Na), clo (Cl), canxi (Ca), kali (K), magne (Mg), bicacbonat (HCO_3^-),...

Khoáng chất có nồng độ thấp, được gọi là nguyên tố vi lượng (trace minerals): sắt (Fe), đồng (Cu), kẽm (Zn), coban (Co), iod (I),...



MIBA
KHOÁNG TẮM - BATH MINERALS

THÀNH PHẦN:	INGREDIENT:
Khoáng vi lượng từ thiên nhiên: K^+ , Na^+ , Mg^{2+} , Zn^{2+} , Ca^{2+} , CO_3^{2-} , HCO_3^- , SO_4^{2-} , Cl^- , SiO_3^{2-}	Natural minerals: K^+ , Na^+ , Mg^{2+} , Zn^{2+} , Ca^{2+} , CO_3^{2-} , HCO_3^- , SO_4^{2-} , Cl^- , SiO_3^{2-}
CÔNG NĂNG:	PERFORMANCE:
Bổ sung khoáng vi lượng cho cơ thể, phục hồi chức năng cơ xương khớp, thanh và tái tạo làn da, giải độc cho tế bào da, cân bằng nội tiết tố, hệ thần kinh, cải thiện tình trạng eczema, hỗ trợ tuần hoàn máu.	Supplement trace minerals for body, recover functions of muscle, bone, joint, detoxing skin cells, balance hormones da, balance endocrine system, improve eczema situation and blood circulation.
CÁCH DÙNG:	USAGE:
Mở bao bì nylon, lấy túi vải treo trong bể cân bằng cho đến khi khoáng tan hết. Duy trì nồng độ khoáng trong toàn hệ thống trong khoảng 1100-1300 mg/L. Bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.	Open plastic bag, take fabric bag out and hand it in balance tank until minerals dissolved completely. Maintain minerals content of 1000-1300 mg/L in the system. Store in cool and dry place, avoid direct sunlight.
ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:	OBJECTS:
Phù hợp cho mọi đối tượng ≥ 3 tuổi	Applicable for people ≥ 3 years old
HẠN SỬ DỤNG:	EXPIRATION:
2 năm kể từ ngày SX (Xem ở đáy)	2 years from MFG (dd/mm/yy)

Nhà SX: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
Manufacturer: TRAN MINH ENVIRONMENTAL SCIENCE & ENGINEERING CO. LTD.

ĐC: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Add: 68 Ho Huan Nghiep St, My An Ward, Ngu Hanh Son Dist. Danang City
Website: www.wm-vd.com

☎ 0973 911 157

TCCL số: TCCS 03:2021/TME

MIBA

KHOÁNG TẮM TRỊ LIỆU NGÂM TẮM TRỊ LIỆU

Khoáng tắm trị liệu MIBA là một sản phẩm dưới dạng bột, được tổng hợp chọn lọc và chế biến từ các nguồn nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên.

MIBA không chứa các chất phụ gia công nghiệp, không chứa chất tạo màu, tạo mùi.

MIBA trong quá trình sử dụng không bị biến đổi lý tính, hóa tính dẫn đến suy giảm hàm lượng vi khoáng có trong nước khoáng.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

Số: 0421/QĐ-TME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành và công bố tiêu chuẩn áp dụng

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH KHOA HỌC & KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;
Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;
Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh.*

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành và công bố áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở:
TCCS 03:2021/TME áp dụng cho sản phẩm Khoáng tắm trị liệu MIBA (Mã số sản phẩm: TM-IM).
- Điều 2.** Tiêu chuẩn cơ sở nêu trên là căn cứ để cam kết, công bố với khách hàng và các bên liên quan về chất lượng sản phẩm Khoáng tắm trị liệu MIBA do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và phân phối.
- Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Lưu công ty.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HUYỀN LY



BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Số: 0121/CB-TME

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
Địa chỉ: 68 Hồ Xuân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0973 911 157
Email: wa@wm-vd.com

CÔNG BỐ:

Tên tiêu chuẩn cơ sở: **TCCS 03:2021/TME**

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: Khoáng tắm trị liệu

- Kiểu, loại, mã số: Sản phẩm dạng bột được chứa trong túi vải. Túi vải được bọc ngoài bằng túi nilon hàn kín.
- Nhận hiệu hàng hóa: MIBA
- Mã ký hiệu sản phẩm: TM-IM

Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 4 năm 2021
ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HUYỀN LY



VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE



Website: www.deming.vn Email: info@deming.vn

Mã số / Code BN 23573-01	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	Ngày / Date: 10/01/2022 Trang / Page: 01/02
-----------------------------	---	--

Tên mẫu / Name of Sample: **Khoảng tằm MIBA**
 Ký hiệu mẫu / Sample mark:
 Số lượng mẫu / Quantity: **01**
 Tình trạng mẫu / Sample description: **Mẫu khoảng 2500 ml, được chứa trong can nhựa**
 Ngày nhận mẫu / Date of receiving: **30/12/2021**
 Thời gian thử nghiệm / Testing period: **30/12/2021 - 10/01/2022**
 Đơn vị gửi mẫu / Client: **CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH**
 Địa chỉ / Address: **68 Hồ Hoàn Nghiệp, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng**
 Kết quả thử nghiệm / Test results: *Xem tiếp trang 02/02*

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2
Head of Technical Division 2

[Signature]

LÊ TRỌNG NHÂN

ĐẠI DIỆN VIỆN
On behalf of the Institute

[Signature]
LÊ THỊ MỘNG TRINH

() Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 / Test Methods are accredited to ISO/IEC 17025
 (***) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Tested by Subcontract
 (**) Phương pháp thử được chỉ định / Test methods are assigned
 (†) Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đã khách hàng gửi / Test results are valid for the namely submitted sample (s) only
 (††) Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu / Name of sample and customer are written as customer's request
 (†††) Không được trích sao một phần/phiên bản kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming / This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming

Address: Lot 21-22, B16, KDC Quang Thanh B, Hòa Khánh Bắc ward, Liên Chiểu district, Đà Nẵng city

Tel: 0236.656.2929 Fax: 0236.3617519

Lần sửa đổi: 00



VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE



Website: www.deming.vn Email: info@deming.vn

Mã số / Code BN 23573-01	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	Ngày / Date: 10/01/2022 Trang / Page: 02/02
-----------------------------	---	--

TT No.	Chỉ tiêu thử nghiệm / Test characteristic			Kết quả thử nghiệm / Test result
	Tên chỉ tiêu / Parameters	Đơn vị / Unit	Phương pháp thử / Test Method	
1.	Hàm lượng K ⁺ (*)	mg/L	TCVN 6196-3:2000	34,8
2.	Hàm lượng Na ⁺ (†)	mg/L	TCVN 6196-3:2000	207
3.	Hàm lượng Ca ²⁺	mg/L	SMEWW 3500-Ca B	11,8
4.	Hàm lượng Mg ²⁺	mg/L	SMEWW 3500-Mg B	49,9
5.	Hàm lượng Zn ²⁺ (†)	mg/L	TCVN 6193:1996	1,99
6.	Hàm lượng HCO ₃ ⁻	mg/L	TCVN 6636-1:2000	19,8
7.	Hàm lượng CO ₃ ²⁻	mg/L	TCVN 6636-1:2000	0,61
8.	Hàm lượng SO ₄ ²⁻ (†)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E	430
9.	Hàm lượng Cl ⁻ (†)	mg/L	TCVN 6194:1996	242
10.	Hàm lượng SiO ₂ ²⁻	mg/L	SMEWW 4500-SiO ₂ B	13,1
11.	Hàm lượng Pb ⁺ (†)	mg/L	TCVN 6193:1996	Không phát hiện (<0,005)
12.	Hàm lượng As ⁺ (†)	mg/L	TCVN 6626:2000	Không phát hiện (<0,004)
13.	Hàm lượng Hg ⁺ (†)	mg/L	TCVN 7877:2008	Không phát hiện (<0,0005)
14.	Độ kích ứng da	-	ISO 10993-10:2010	Không đáng kể

() Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 / Test Methods are accredited to ISO/IEC 17025
 (***) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Tested by Subcontract
 (**) Phương pháp thử được chỉ định / Test methods are assigned
 (†) Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đã khách hàng gửi / Test results are valid for the namely submitted sample (s) only
 (††) Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu / Name of sample and customer are written as customer's request
 (†††) Không được trích sao một phần/phiên bản kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming / This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming

Address: Lot 21-22, B16, KDC Quang Thanh B, Hòa Khánh Bắc ward, Liên Chiểu district, Đà Nẵng city

Tel: 0236.656.2929 Fax: 0236.3617519

BM 00/QT 08/PQP/03/1/2022

Lần sửa đổi: 00



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
TRAN MINH ENVIRONMENTAL SCIENCE AND ENGINEERING CO. LTD.

PHIẾU AN TOÀN SẢN PHẨM KHOÁNG NHÂN TẠO
MATERIAL SAFETY DATA SHEET FOR ARTIFICIAL MINERALS

I. Nhận biết sản phẩm và thông tin nhà sản xuất
Product and Company Identification

1. Nhận dạng sản phẩm / Product Identification

Tên sản phẩm : Khoáng nhân tạo MIBA
Product name : Artificial minerals MIBA
Mã sản phẩm : TM-IM
Product code : TM-IM
Mục đích sử dụng : TM-IM (MIBA) dùng cho mục đích tắm thư giãn và trị liệu, ngăn ngừa lão hóa, phục hồi chức năng cơ thể và cân bằng hoạt động của hệ cơ quan trong cơ thể...
Product use : TM-IM is applied for relaxing and therapy bathing, anti-aging, body functions recovery, and organ system balance

2. Thông tin công ty / Company information

Tên công ty : Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh
Company name : Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME)
Địa chỉ : 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Address : 68 Ho Huan Nghiep St., My An Ward, Ngu Hanh Son Dist., Da Nang City
Website : www.wm-vd.com
Email : wa@wm-vd.com
Hotline : 0973 911 157

II. Thông tin về thành phần các chất
Ingredients

THÀNH PHẦN INGREDIENT		Hàm lượng (% theo trọng lượng) Content (% by weight)
Ký hiệu Symbol	Tên Name	
K ⁺	Potassium	32.4-44.4%
Na ⁺	Sodium	17.3-24.4%
Ca ²⁺	Calcium	0.7-2.1%
Mg ²⁺	Magnesium	3.1-6.0%
Zn ²⁺	Zinc	1.1-2.3%
HCO ₃ ⁻	Bicarbonate	0.2-3.9%
CO ₃ ²⁻	Carbonate	0.03-2.3%
SO ₄ ²⁻	Sulphate	30.1-52.5%
Cl ⁻	Chloride	10.7-33.9%
SiO ₃ ²⁻	Metasilicate	0.7-3.3%

Khoáng TM-IM (MIBA) màu trắng đục, mùi khoáng nhẹ.
TM-IM (MIBA) has opaque white color and slighty mineral smell.

III. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của sản phẩm
Hazards Identification

1. Cảnh báo nguy hiểm / Warning

- Tránh xa tầm tay trẻ em
Keep out of reach of children
- Khi bị khoáng dính vào mắt thì rửa lại bằng nước
Wash with water when contacting with mineral

2. Các đường tiếp xúc và triệu chứng / Routes of exposure and symptoms

- Đường mắt : Không gây kích ứng mắt
Eye contact : No eye irritation
- Đường da : Không gây kích ứng da
Skin contact : No skin irritation
- Đường tiêu hóa : Không được uống
Ingestion : No swallow
- Đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương : Không ảnh hưởng đến mũi, đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương
Inhalation, central nervous system : No effect on nasal and respiratory and central nervous system.

IV. Biện pháp sơ cứu
First aid measures

- Đường mắt : Rửa với nước sạch tối thiểu 1 phút. Đưa đến trung tâm y tế nếu thấy xốn mắt.
Eyes : Flush with clean water for at least 1 minutes. Seek medical attention if eye irritation persists.
- Đường da : Không ảnh hưởng đến da.
Skin : No bad effect on skin.
- Đường tiêu hóa : Cho bệnh nhân uống 01 - 02 ly nước rồi chuyển họ đến trung tâm y tế.
Ingestion : Give 01 or 02 glasses of water and seek medical attention.
- Đường hô hấp : Không ảnh hưởng đến đường hô hấp.
Inhalation : No effect on respiratory.
- Đồ bảo hộ : Không cần dùng đồ bảo hộ.
Protective clothing : No safety ware needed.

V. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố
Accidental release measures

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Lau khô để tránh trơn trượt
Small spill: Clean up to prevent from slip.
- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Không để người đi qua lại để trơn trượt
Large spill: Avoid people surrounding and clean up to prevent from slip.

VI. Xử lý và bảo quản Handling and storage
<p>1. Thận trọng trong việc bảo quản / Precautions for Safe Handling</p> <ul style="list-style-type: none"> Tránh tiếp xúc với mắt. <i>Avoid contact with eyes.</i> <p>2. Điều kiện lưu trữ an toàn / Conditions for Safe Storage</p> <ul style="list-style-type: none"> Không có lưu ý đặc biệt. <i>No specific caution.</i>
VII. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân Exposure Controls/Personal Protection
<ul style="list-style-type: none"> Kiểm soát kỹ thuật: Không có lưu ý đặc biệt. <i>Engineering Controls: No specific caution.</i> Bảo vệ cá nhân: Không cần các biện pháp bảo vệ cá nhân. <i>Personal Protection: No safety ware needed.</i>
VIII. Đặc tính lý, hóa của sản phẩm Physical and Chemical Properties
<ul style="list-style-type: none"> Trạng thái: Bột <i>Status: Powder</i> Khối lượng riêng đồ đóng: 1.4kg/L <i>Specific bulking weight: 1.4kg/L</i> pH: 8.0 - 8.5
IX. Độ ổn định và khả năng hoạt động của khoáng Stability and Reactivity
<ul style="list-style-type: none"> Khả năng phản ứng: Không phản ứng. <i>Reactivity: Not reaction</i> Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không có khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm. <i>Possibility of hazardous reactions: Inability to hazardous reactions</i> Tính ổn định hóa học: Ổn định <i>Chemical stability: Stable</i>
X. Thông tin về độc tính Toxicological Information
<ul style="list-style-type: none"> Tiếp xúc qua đường hô hấp: Không ảnh hưởng đến hệ hô hấp, không ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương. <i>Inhalation: No effect on respiratory.</i> Tiếp xúc qua da: Dung dịch không ảnh hưởng đến da. <i>Skin contact: The solution can cause neither skin burn nor irritation.</i> Tiếp xúc qua mắt: Tiếp xúc có thể gây đỏ mắt. <i>Eye contact: Contact may cause redness and tearing.</i> Tiếp xúc qua đường tiêu hóa: Nuốt có thể gây buồn nôn, nôn mửa. <i>Ingestion: Swallowing may cause nausea, vomiting.</i>

Trang 3 / 5

XI. Thông tin về sinh thái Ecological Information
<ul style="list-style-type: none"> Độc tính với hệ sinh thái: Không ảnh hưởng đến hệ sinh thái. <i>Ecotoxicity: No specific aquatic toxicity data is currently available.</i> Độc với tầng ozone: Không làm tổn hại đến tầng ozone. <i>Its vapour is not harmful to ozone layer</i> Các tác dụng ngoại ý khác: Chưa biết <i>Other adverse effects: Unknown</i>
XII. Yêu cầu trong việc thải bỏ Disposal considerations
<ul style="list-style-type: none"> Xử lý chất thải: Chất thải phải được xử lý theo các quy định về kiểm soát môi trường của địa phương. <i>Waste disposal: Waste must be disposed of in accordance with federal, state and local environmental control regulations.</i> Có thể thải vào hệ thống xử lý nước thải hoặc thải bỏ thẳng ra cống với số lượng ít. <i>Discharge into wastewater treatment plant or directly to sewerage with small amount.</i>
XIII. Yêu cầu trong việc vận chuyển Transportation information
<ul style="list-style-type: none"> Yêu cầu đặc biệt cho việc vận chuyển: Không có yêu cầu đặc biệt. <i>Special Provisions for Transport: No specific requirement.</i>
XIV. Thông tin khác Other information
<ul style="list-style-type: none"> Ngày tháng biên soạn lại phiếu: 24/9/2022 <i>Re-editted at: 24/9/2022</i> Soạn thảo lại bởi: Công ty TNHH Khoa học & Kỹ thuật môi trường Trần Minh <i>Re-editted by: Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).</i>

Trang 4 / 5

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM
TECHNICAL DATA SHEET
KHOÁNG NHÂN TẠO TM-IM (MIBA)

BHSD / Edition: 04/2021/TME
Ngày ban hành / Valid: 20/4/2021

- Xuất xứ / Origin**
Khoáng nhân tạo TM-IM (MIBA) được nghiên cứu và sản xuất bởi công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh (TME).
Minerals TM-IM (MIBA) has been researched and produced by Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).
- Thành phần / Composition**
Khoáng TM-IM (MIBA) được sản xuất từ các chất khoáng vô cơ có thể hòa tan.
Minerals TM-IM is produced from inorganic minerals.
Khoáng bùn TM-IM có mùi khoáng nhẹ, màu trắng đục.
TM-IM has opaque white color and slightly mineral smell.

- Công năng / Performance**
TM-IM dùng cho mục đích tắm thư giãn, trị liệu, ngăn ngừa lão hóa, phục hồi chức năng cơ thể và cân bằng hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể.
TM-IM is applied for relaxing bathing, therapy, anti-aging, body functions recovery, organ systems balance
Khi sử dụng, đổ bột TM-IM vào bồn nước nóng, chờ bột hòa vào nước (hoặc dùng tay khuấy trộn cho nhanh) rồi ngâm tắm.
Spread TM-IM to bath tub, wait for the powder to dissolve in water.

Định lượng: Pha TM-IM vào nước theo tỷ lệ khối lượng [TM-IM:Nước] = 1:600-1:700.
Dose for bathing: [TM-IM:Water] = 1:600-1:700.

4. Thông tin đóng gói, bao quản/ Packing and storage information

Bao bì / Packing: Bao nhựa 200g, 5kg / Plastic bag 200g, 5kg
Bao quản / Storage: Nơi khô thoáng / Stored in fresh & dry place
Hạn sử dụng / Expiry: 24 tháng kể từ ngày sản xuất / 24 months since manufacturing

Vui lòng xem tham khảo thêm tài liệu hướng dẫn an toàn (MSDS) để biết thêm thông tin lưu kho, bảo quản và sử dụng sản phẩm an toàn và hiệu quả.
Before using this product please consult our Material Safety Data Sheet (MSDS) for information on safe handling and storage.

Trang 5 / 5

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

Địa chỉ: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

ĐT: 0973911157; Web: www.wm-vd.com; Email: wa@wm-vd.com



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 03:2021/TME

TÊN SẢN PHẨM
KHOÁNG TẮM TRỊ LIỆU

NHÃN HIỆU SẢN PHẨM
MIBA

MÃ SẢN PHẨM
TM-IM

Đà Nẵng, tháng 4 năm 2021



1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho Khoáng tắm trị liệu do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và kinh doanh.

Địa chỉ công ty: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

2. Tài liệu/Tiêu chuẩn tham khảo

- [1] Kamioka H, Mori Y, Nagata K, Iwanaga S, Uzura M, Yamaguchi S. Relationship of daily hot water bathing at home and hot water spa bathing with underlying diseases in middle-aged and elderly ambulatory patients: A Japanese multicenter cross-sectional study. *Complementary Therapies in Medicine*. 2019;43:232-9.
- [2] Shani J, Barak S, Levi D, Ram M, Schachner ER, Schlesinger T, Robberecht H, Van Grieken R, Avrach WW. Skin penetration of minerals in psoriatics and guinea-pigs bathing in hypertonic salt solutions. *Pharmacological Research Communications*. 1985;17:501-12.
- [3] Sukenik S, Flusser D, Abu-Shakra M. THE ROLE OF SPA THERAPY IN VARIOUS RHEUMATIC DISEASES. *Rheumatic Disease Clinics of North America*. 1999;25:883-97.
- [4] Lund JW. Balneological use of thermal and mineral waters in the U.S.A. *Geothermics*. 1996;25:103-47.
- [5] Vaidya B, Nakarmi S. A Qualitative Study of Patients' Beliefs and Perception on Medicinal Properties of Natural Hot Spring Bath for Musculoskeletal Problems. *Journal of environmental and public health*. 2020;2020:3694627. Epub 2020/07/23.
- [6] Sas S, Kaya DO, Celenay ST. Comparison of Blood Pressure and Pulse Adaptations Between Younger and Older Patients During Balneotherapy With Physiotherapy. *Journal of Chiropractic Medicine*. 2022;21:197-203.
- [7] Verhagen AP, Cardoso JR, Bierma-Zeinstra SMA. Aquatic exercise & balneotherapy in musculoskeletal conditions. *Best Practice & Research Clinical Rheumatology*. 2012;26:335-43.
- [8] Herisson C, Tavares I, Thomas E, Françon A, Forestier R, Roques CF. Balneotherapy for rheumatic conditions – evidence based recommendations. *Annals of Physical and Rehabilitation Medicine*. 2014;57:e160.
- [9] Rapolienė L, Razbadauskas A, Mockevičienė D, Varžaitytė L, Skarbalienė A. Balneotherapy for musculoskeletal pain: does the mineral content matter? *International journal of biometeorology*. 2020;64:965-79. Epub 2019/10/13.
- [10] Morer C, Roques CF, Françon A, Forestier R, Maraver F. The role of mineral elements and other chemical compounds used in balneology: data from double-blind randomized clinical trials. *International journal of biometeorology*. 2017;61:2159-73. Epub 2017/08/30.
- [11] Thông tư 52/2014/TT-BTNMT, ngày 09/9/2014 về quy định phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên nước khoáng, nước nóng thiên nhiên;

3. Nguyên vật liệu

Là các thành phần khoáng vô cơ, được tổng hợp và phân tách từ các mỏ tự nhiên.

4. Yêu cầu kỹ thuật

4.1. Yêu cầu về ngoại quan

- Trạng thái: Bột đồng nhất.
- Màu sắc, mùi vị: Màu trắng, mùi đá khoáng nhẹ.

4.2. Các chỉ tiêu chất lượng

Khí hòa tan hoàn toàn 1 túi MIBA (200g) vào 200L nước thủy cục, hàm lượng các khoáng nằm trong mức chất lượng như được mô tả trong Bảng dưới đây.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng
1	K ⁺	mg/L	20-70
2	Na ⁺	mg/L	100-300
3	Ca ²⁺	mg/L	5-70
4	Mg ²⁺	mg/L	5-70
5	Zn ²⁺	mg/L	0.5-10
6	HCO ₃ ⁻	mg/L	10-30
7	CO ₃ ²⁻	mg/L	0.2-10
8	SO ₄ ²⁻	mg/L	100-700
9	Cl ⁻	mg/L	100-500
10	SiO ₂ ²⁻	mg/L	3-30
11	Pb (Chì)	mg/L	Không phát hiện
12	As (Asen)	mg/L	Không phát hiện
13	Hg (Thủy ngân)	mg/L	Không phát hiện
14	Độ kích ứng da	-	Không đáng kể

4.3. Phương pháp thử

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử
1	K ⁺	TCVN 6196-3:2000
2	Na ⁺	TCVN 6196-3:2000
3	Ca ²⁺	SMEWW 3500-Ca B
4	Mg ²⁺	SMEWW 3500-Mg B
5	Zn ²⁺	TCVN 6193:1996
6	HCO ₃ ⁻	TCVN 6636-1:2000
7	CO ₃ ²⁻	TCVN 6636-1:2000
8	SO ₄ ²⁻	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E
9	Cl ⁻	TCVN 6194:1996
10	SiO ₂ ²⁻	SMEWW 4500-SiO ₂ B
11	Pb (Chì)	TCVN 6193:1996
12	As (Asen)	TCVN 6626:2000
13	Hg (Thủy ngân)	TCVN 7877:2008
14	Độ kích ứng da	ISO 10993-10:2010

5. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản

5.1. Bao gói

- Túi vải chứa khoáng đảm bảo không rách thủng khi vận chuyển và bảo quản. Túi nylon bọc ngoài túi vải đảm bảo không rách thủng, chảy nhựa dưới trời nắng.
- Sản phẩm được đóng vào túi vải 200g hoặc 5kg.



5.2. Ghi nhãn

Nội dung ghi nhãn theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ ban hành Nghị định về nhãn hàng hóa và các văn bản hiện hành khác của nhà nước. Sản phẩm khoáng tằm ở dạng bột đóng vào túi vải có tài liệu chất lượng kèm theo với nội dung:

- Tên sản phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở này;
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;
- Khối lượng tịnh;
- Tháng, năm sản xuất;
- Tên và địa chỉ của doanh nghiệp đặt hàng sản xuất (nếu khách hàng yêu cầu);
- Khi xuất xưởng kèm theo phiếu giao hàng, phiếu an toàn vật liệu và hướng dẫn sử dụng.

5.3. Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng các phương tiện vận tải có che chắn chống mưa và ẩm ướt.

5.4. Bảo quản

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

5.5. Thời hạn sử dụng

Thời hạn sử dụng là 24 tháng.

6. Hướng dẫn sử dụng

Pha vào nước tắm theo liều lượng 800-1500 mg/L





MIBA-Ti, MIBA-Ti1 dùng cho bể onsen, jacuzzi

MIBA-Ti và **MIBA-Ti1** là hai loại khoáng chuyên dụng dành cho hệ thống bể tắm onsen, khoáng nóng căn hộ, bể sục thủy lực Jacuzzi, spa,...

MIBA-Ti và MIBA-Ti1 đặc biệt có sự hiện diện của Titan dưới dạng nano (nano titanium).

Nano titanium có khả năng làm dịu và giảm kích ứng da, đặc biệt là khi kết hợp với các khoáng chất khác có trong nước onsen. Giúp mang lại trải nghiệm tắm thư giãn và tốt cho sức khỏe của da.

Nano titanium còn giúp nước khoáng ngăn ngừa sự hình thành các chất ô nhiễm trong nước, bao gồm các chất hữu cơ và các hợp chất độc hại khác. Góp phần duy trì chất lượng nước khoáng của bể tắm onsen trong thời gian dài.

Đặc biệt, nano Titanium còn có khả năng tiêu diệt vi khuẩn, virus, và nấm, giúp làm sạch và khử trùng nước khoáng, tạo ra môi trường tắm an toàn và vệ sinh.

Nano titanium là một lựa chọn hấp dẫn trong các sản phẩm khoáng dùng cho hệ thống onsen hiện đại, giúp cải thiện cả chất lượng nước và trải nghiệm tắm của khách hàng.



CÁCH SỬ DỤNG

Dùng khoáng tắm MIBA-Ti hòa tan tự nhiên vào bồn, bể ngâm tắm:

- Định mức:

Tỷ lệ MIBA/NƯỚC = 1,4 - 1,5/1.000

- Lọc tuần hoàn, tái sử dụng, không sử dụng chung với bất kỳ hóa chất hay mỹ phẩm nào khác.

- Tỷ lệ hao hụt: 08 - 10% / tháng

- Cách sử dụng: Hòa tan trực tiếp MIBA vào nước sạch₁₅

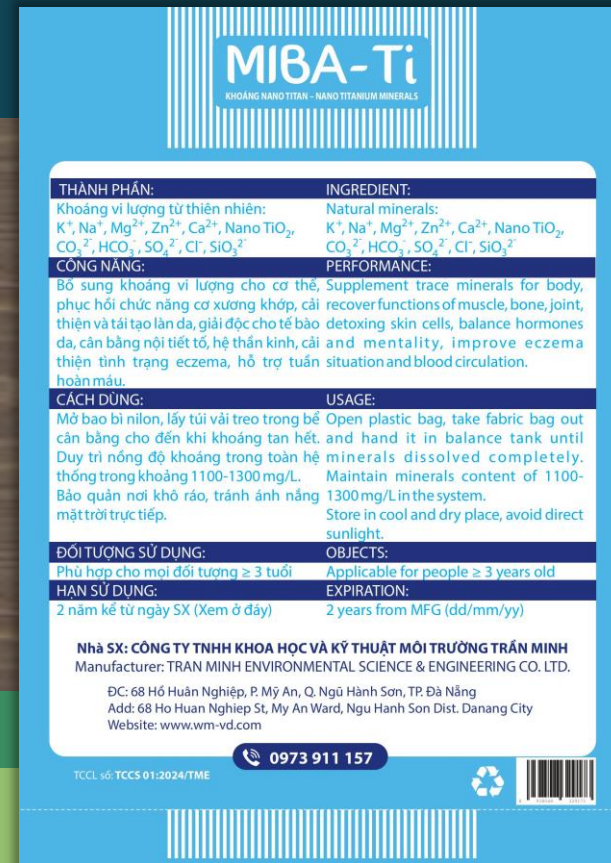
MIBA-Ti

Khoáng Nano titan ngâm tẩm trị liệu

Khoáng tẩm trị liệu MIBA-Ti là một sản phẩm dưới dạng bột, được tổng hợp chọn lọc và chế biến từ các nguồn nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên.

MIBA-Ti không chứa các chất phụ gia công nghiệp, không chứa chất tạo màu, tạo mùi.

MIBA-Ti trong quá trình sử dụng không bị biến đổi lý tính, hóa tính dẫn đến suy giảm hàm lượng vi khoáng có trong nước khoáng.



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0224/QĐ-TME

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành và công bố tiêu chuẩn áp dụng

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH KHOA HỌC & KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2005;
Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;
Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành và công bố áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở:

TCCS 01:2024/TME áp dụng cho sản phẩm Khoáng nano titan MIBA-Ti (Mã số sản phẩm: TM-IMTI).

Điều 2. Tiêu chuẩn cơ sở nêu trên là căn cứ để cam kết, công bố với khách hàng và các bên liên quan về chất lượng sản phẩm Khoáng nano titan MIBA-Ti do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và phân phối.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Lưu công ty.



BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Số: 0124/CB-TME

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

Địa chỉ: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0973 911 157

Email: wa@twn-vd.com

CÔNG BỐ:

Tên tiêu chuẩn cơ sở: **TCCS 01:2024/TME**

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: Khoáng nano titan MIBA-Ti


- Kiểu, loại, mã số: Sản phẩm dạng bột được chứa trong túi vải. Túi vải được bọc ngoài bằng túi nylon hàn kín.
- Nhân hiệu hàng hóa: MIBA-Ti
- Mã ký hiệu sản phẩm: TM-IMTI

Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.



Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY






VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE


Website: www.deming.vn Email: deming.vn@gmail.com

Mã số/ Code BN 4118717 - 02	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	Ngày/ Date: 09/10/2024 Trang/ Page: 01/02
--------------------------------	---	--

Tên mẫu/ Name of Sample: Khống nano titan MIBA-Ti
Ký hiệu mẫu/ Sample Mark: -
Số lượng mẫu/ Quantity: 01
Tình trạng mẫu/ Sample description: Mẫu chôn trong chai nhựa
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 04/10/2024
Thời gian thử nghiệm/ Testing period: 04/10/2024 - 09/10/2024
Đơn vị gửi mẫu/ Client: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
Địa chỉ Address: 68 Hồ Huân Nghiệp, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Kết quả thử nghiệm/ Test results: Xem trang 02/02




TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2
Head of Technical Division 2



LÊ TRỌNG NHÂN

ĐẠI DIỆN VIỆN
On behalf of the Institute




LÊ CHI MỸ TRINH



(*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 - Test methods are accredited by ISO/IEC 17025.
 (*) (*) Khi gửi mẫu được thử nghiệm cần ghi rõ chi tiết mẫu thử/ Tested by Subcontractor.
 (*) (c) Phương pháp thử được chỉ định/ Test methods are assigned.
 (*) Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đã khách hàng gửi/ Test results are valid for the normally submitted sample (s) only.
 (*) Tên mẫu, tình trạng mẫu được ghi trong phiếu này chỉ có giá trị nếu mẫu của khách hàng gửi/ Name of sample and customer are written as customer's request.
 (*) Không được trích sao nội dung Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming/ This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.

Address: Lot 21-22, B1A, EDC Quang Thanh 3B, Hòa Khánh mới, Liên Chiểu district, Đà Nẵng city Tel: 0236.6561929 Fax: 0236.5617519

Số/Code: 08/TC/03/01/2012 Lần sửa đổi: 00



VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE

Website: www.deming.vn Email: deming.vn@gmail.com

Mã số/ Code BN 4118717 - 02	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	Ngày/ Date: 09/10/2024 Trang/ Page: 02/02
--------------------------------	---	--

TT/ No.	Chỉ tiêu thử nghiệm/ Test characteristic			Kết quả thử nghiệm/ Test result
	Tên chỉ tiêu/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	
1	Hàm lượng K ⁺ (*)	mg/L	TCVN 6196-3:2000	34,5
2	Hàm lượng Na ⁺ (*)	mg/L	TCVN 6196-3:2000	203
3	Hàm lượng Ca ²⁺	mg/L	SMEWW 3500-Ca B	11,9
4	Hàm lượng Mg ²⁺	mg/L	SMEWW 3500-Mg B	49,3
5	Hàm lượng Zn ²⁺ (*)	mg/L	TCVN 6193:1996	1,94
6	Hàm lượng HCO ₃ ⁻	mg/L	TCVN 6636-1:2000	19,5
7	Hàm lượng CO ₃ ²⁻	mg/L	TCVN 6636-1:2000	0,63
8	Hàm lượng SO ₄ ²⁻ (*)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E	432
9	Hàm lượng Cl ⁻ (*)	mg/L	TCVN 6194:1996	247
10	Hàm lượng SiO ₂ ²⁻	mg/L	SMEWW 4500-SiO ₂ B	13,4
11	Hàm lượng Ti	mg/L	Ref. TCVN 7131:2002	4,15
12	Hàm lượng Pb ^(*)	mg/L	TCVN 6193:1996	Không phát hiện (< 0,005)
13	Hàm lượng As ^(*)	mg/L	TCVN 6626:2000	Không phát hiện (< 0,001)
14	Hàm lượng Hg ^(*)	mg/L	TCVN 7877:2008	Không phát hiện (< 0,0005)
15	Dộ kích ứng da	-	ISO 10993-10:2010	Không đáng kể

(*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 - Test methods are accredited by ISO/IEC 17025.
 (*) (*) Khi gửi mẫu được thử nghiệm cần ghi rõ chi tiết mẫu thử/ Tested by Subcontractor.
 (*) (c) Phương pháp thử được chỉ định/ Test methods are assigned.
 (*) Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đã khách hàng gửi/ Test results are valid for the normally submitted sample (s) only.
 (*) Tên mẫu, tình trạng mẫu được ghi trong phiếu này chỉ có giá trị nếu mẫu của khách hàng gửi/ Name of sample and customer are written as customer's request.
 (*) Không được trích sao nội dung Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming/ This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.

Address: Lot 21-22, B1A, EDC Quang Thanh 3B, Hòa Khánh mới, Liên Chiểu district, Đà Nẵng city Tel: 0236.6561929 Fax: 0236.5617519

Số/Code: 08/TC/03/01/2012 Lần sửa đổi: 00



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
TRAN MINH ENVIRONMENTAL SCIENCE AND ENGINEERING CO. LTD.

MSDS	PHIẾU AN TOÀN SẢN PHẨM KHOÁNG NHÂN TẠO MATERIAL SAFETY DATA SHEET FOR ARTIFICIAL MINERALS
------	--

I. Nhận biết sản phẩm và thông tin nhà sản xuất
Product and Company Identification

1. Nhận dạng sản phẩm / Product Identification

Tên sản phẩm : Khoáng nano titan MIBA-Ti
Product name : Nano Titanium minerals MIBA-Ti
Mã sản phẩm : TM-IMTI
Product code : TM-IMTI
Mục đích sử dụng : TM-IMTI (MIBA-Ti) dùng cho mục đích tắm thư giãn và trị liệu, ngăn ngừa lão hóa, phục hồi chức năng cơ thể và cân bằng hoạt động của hệ cơ quan trong cơ thể...
Product use : TM-IMTI is applied for relaxing and therapy bathing, anti-aging, body functions recovery, and organ system balance

2. Thông tin công ty / Company information

Tên công ty : Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh
Company name : Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME)
Địa chỉ : 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Address : 68 Ho Huan Nghiep St., My An Ward, Ngu Hanh Son Dist., Da Nang City
Website : www.vd.com
Email : wa@wm-vd.com
Hotline : 0973 911 157

II. Thông tin về thành phần các chất
Ingredients

Ký hiệu Symbol	THÀNH PHẦN INGREDIENT	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
		Content (% by weight)
K ⁺	Potassium	1.98-3.67%
Na ⁺	Sodium	18.01-33.44%
Ca ²⁺	Calcium	0.76-1.41%
Mg ²⁺	Magnesium	1.54-2.86%
Zn ²⁺	Zinc	1.41-2.62%
HCO ₃ ⁻	Bicarbonate	15.25-28.32%
CO ₃ ²⁻	Carbonate	1.52-2.83%
SO ₄ ²⁻	Sulfate	8.25-15.32%
Cl ⁻	Chloride	7.72-14.33%
SiO ₃ ²⁻	Metasilicate	13.43-24.94%
Ti	Titanium	0.06-0.16%

Khoáng TM-IMTI (MIBA-Ti) màu trắng sữa, mùi khoáng nhẹ.
TM-IMTI (MIBA-Ti) has milky white color and slight mineral smell.

III. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của sản phẩm
Hazards Identification

1. Cảnh báo nguy hiểm / Warning

- Tránh xa tầm tay trẻ em
Keep out of reach of children
- Khí bị khoáng dính vào mắt thì rửa lại bằng nước
Wash with water when contacting with mineral

2. Các đường tiếp xúc và triệu chứng / Routes of exposure and symptoms

- Đường mắt : Không gây kích ứng mắt
Eye contact : No eye irritation
- Đường da : Không gây kích ứng da
Skin contact : No skin irritation
- Đường tiêu hóa : Không được uống
Ingestion : No swallow
- Đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương : Không ảnh hưởng đến mũi, đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương
Inhalation, central nervous system : No effect on nasal and respiratory and central nervous system.

IV. Biện pháp sơ cứu
First aid measures

- Đường mắt : Rửa với nước sạch tối thiểu 1 phút. Đưa đến trung tâm y tế nếu thấy xót mắt.
Eyes : Flush with clean water for at least 1 minutes. Seek medical attention if eye irritation persists.
- Đường da : Không ảnh hưởng đến da.
Skin : No bad effect on skin.
- Đường tiêu hóa : Cho bệnh nhân uống 01 - 02 ly nước rồi chuyển họ đến trung tâm y tế.
Ingestion : Give 01 or 02 glasses of water and seek medical attention.
- Đường hô hấp : Không ảnh hưởng đến đường hô hấp.
Inhalation : No effect on respiratory.
- Đồ bảo hộ : Không cần dùng đồ bảo hộ.
Protective clothing : No safety ware needed.

V. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố
Accidental release measures

- Khí tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Lau khô để tránh trơn trượt
Small spill: Clean up to prevent from slip.
- Khí tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Không để người đi qua lại để trơn trượt
Large spill: Avoid people surrounding and clean up to prevent from slip.

VI. Xử lý và bảo quản Handling and storage
<p>1. Thân trọng việc bảo quản / Precautions for Safe Handling</p> <ul style="list-style-type: none"> Tránh tiếp xúc với mắt. Avoid contact with eyes. <p>2. Điều kiện lưu trữ an toàn / Conditions for Safe Storage</p> <ul style="list-style-type: none"> Không có lưu ý đặc biệt. No specific caution.
VII. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân Exposure Controls/Personal Protection
<ul style="list-style-type: none"> Kiểm soát kỹ thuật: Không có lưu ý đặc biệt. Engineering Controls: No specific caution. Bảo vệ cá nhân: Không cần các biện pháp bảo vệ cá nhân. Personal Protection: No safety ware needed.
VIII. Đặc tính lý, hóa của sản phẩm Physical and Chemical Properties
<ul style="list-style-type: none"> Trạng thái: Bột State: Powder Khối lượng riêng đồ đóng: 1.4kg/l Specific bulking weight: 1.4kg/l pH: 8.0 - 8.5
IX. Độ ổn định và khả năng hoạt động của khoáng Stability and Reactivity
<ul style="list-style-type: none"> Khả năng phản ứng: Không phản ứng. Reactivity: Not reaction Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không có khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm. Possibility of hazardous reactions: Inability to hazardous reactions Tính ổn định hóa học: Ổn định Chemical stability: Stable
X. Thông tin về độc tính Toxicological Information
<ul style="list-style-type: none"> Tiếp xúc qua đường hô hấp: Không ảnh hưởng đến hệ hô hấp, không ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương. Inhalation: No effect on respiratory. Tiếp xúc qua da: Dung dịch không ảnh hưởng đến da. Skin contact: The solution can cause neither skin burn nor irritation. Tiếp xúc qua mắt: Tiếp xúc có thể gây đỏ mắt. Eye contact: Contact may cause redness and tearing. Tiếp xúc qua đường tiêu hóa: Nuốt có thể gây buồn nôn, nôn mửa. Ingestion: Swallowing may cause nausea, vomiting.

XI. Thông tin về sinh thái Ecological Information
<ul style="list-style-type: none"> Độc tính với hệ sinh thái: Không ảnh hưởng đến hệ sinh thái. Ecotoxicity: No specific aquatic toxicity data is currently available. Độc với tầng ozone: Không làm tổn hại đến tầng ozone. Its vapour is not harmful to ozone layer Các tác dụng ngược ý khác: Chưa biết Other adverse effects: Unknown
XII. Yêu cầu trong việc thải bỏ Disposal considerations
<ul style="list-style-type: none"> Xử lý chất thải: Chất thải phải được xử lý theo các quy định về kiểm soát môi trường của địa phương. Waste disposal: Waste must be disposed of in accordance with federal, state and local environmental control regulations. Có thể thải vào hệ thống xử lý nước thải hoặc thải bỏ thẳng ra cống với số lượng ít. Discharge into wastewater treatment plant or directly to sewerage with small amount.
XIII. Yêu cầu trong việc vận chuyển Transportation information
<ul style="list-style-type: none"> Yêu cầu đặc biệt cho việc vận chuyển: Không có yêu cầu đặc biệt. Special Provisions for Transport: No specific requirement.
XIV. Thông tin khác Other information
<ul style="list-style-type: none"> Ngày tháng biên soạn lại phiên: 10/10/2024 Re-edited at: 10/10/2024 Soạn thảo lại bởi: Công ty TNHH Khoa học & Kỹ thuật môi trường Trần Minh Re-edited by: Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME)

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM
TECHNICAL DATA SHEET
KHOÁNG NANO TITAN TM-IMTI (MIBA-Ti)

BHSD / Edition: 01/2024/TME
Ngày ban hành / Valid: 10/10/2024

1. Xuất xứ / Origin

Khoáng nano titan TM-IMTI (MIBA-Ti) được nghiên cứu và sản xuất bởi công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh (TME).
Nano titanium minerals TM-IMTI (MIBA-Ti) has been researched and produced by Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).

2. Thành phần / Composition

Khoáng nano titan TM-IMTI (MIBA-Ti) được sản xuất từ các chất khoáng vô cơ có thể hòa tan.
Nano titanium minerals TM-IMTI is produced from inorganic minerals.
Khoáng nano titan TM-IMTI có màu khoáng nhẹ, màu trắng đục.
TM-IMTI has opaque white color and slightly mineral smell.

3. Công năng / Performance

TM-IMTI dùng cho mục đích tắm giãn, trị liệu, ngâm rửa lão hóa, phục hồi chức năng cơ thể và cân bằng hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể.
TM-IMTI is applied for relaxing bathing, therapy, anti-aging, body functions recovery, organ systems balance

Khi sử dụng, đổ bột TM-IMTI vào bồn nước nóng, chờ bột hòa vào nước (hoặc dùng tay khuấy trộn cho nhanh rồi ngâm tắm).
Spread TM-IMTI to bath tub, wait for the powder to dissolve in water.

Định lượng: Pha TM-IMTI vào nước theo tỷ lệ khối lượng [TM-IMTI(Nước)] = 1.1:1-1.3:1.
Dose for bathing: [TM-IMTI/Water] = 1.1:1-1.3:1.

4. Thông tin đóng gói, bảo quản/ Packing and storage information

Bao bì / Packing: Bao nhựa 5kg / Plastic bag 5kg
Bảo quản / Storage: Nơi khô thoáng / Stored in fresh & dry place
Hạn sử dụng / Expiry: 24 tháng kể từ ngày sản xuất / 24 months since manufacturing

Vui lòng xem thêm khảo thêm tài liệu hướng dẫn an toàn (MSDS) để biết thêm thông tin lưu kho, bảo quản và sử dụng sản phẩm an toàn và hiệu quả.
Before using this product please consult our Material Safety Data Sheet (MSDS) for information on safe handling and storage.



BỘ Y TẾ VÀ DƯỢC

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
Địa chỉ: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0973911157; Web: www.wm-vd.com; Email: wa@wm-vd.com



TÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 01:2024/TME

TÊN SẢN PHẨM
KHOÁNG NANO TITAN

NHÂN HIỆU SẢN PHẨM
MIBA-Ti

MÃ SẢN PHẨM
TM-IMT1

Đà Nẵng, tháng 10 năm 2024



1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho Khoáng tắm trị liệu do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và kinh doanh.
Địa chỉ công ty: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

2. Tài liệu/Tiêu chuẩn tham khảo

- [1] Kamioka H, Mori Y, Nagata K, Iwanaga S, Uzura M, Yamaguchi S, Relationship of daily hot water bathing at home and hot water spa bathing with underlying diseases in middle-aged and elderly ambulatory patients: A Japanese multicenter cross-sectional study. *Complementary Therapies in Medicine*. 2019;43:232-9.
- [2] Shari J, Barak S, Levi D, Ram M, Schachner ER, Schlesinger T, Robberecht H, Van Grieken R, Avrach WW. Skin penetration of minerals in psoriatics and guinea-pigs bathing in hypertonic salt solutions. *Pharmacological Research Communications*. 1985;17:501-12.
- [3] Sukenik S, Flusser D, Abu-Shakra M. THE ROLE OF SPA THERAPY IN VARIOUS RHEUMATIC DISEASES. *Rheumatic Disease Clinics of North America*. 1999;25:883-97.
- [4] Lund JW. Balneological use of thermal and mineral waters in the U.S.A. *Geothermics*. 1996;25:103-47.
- [5] Vaidya B, Nakami S. A Qualitative Study of Patients' Beliefs and Perception on Medicinal Properties of Natural Hot Spring Bath for Musculoskeletal Problems. *Journal of environmental and public health*. 2020;2020:3694627. Epub 2020/07/23.
- [6] Sas S, Kaya DO, Celenay ST. Comparison of Blood Pressure and Pulse Adaptations Between Younger and Older Patients During Balneotherapy With Physiotherapy. *Journal of Chiropractic Medicine*. 2022;21:197-203.
- [7] Verhagen AP, Cardoso JR, Bierma-Zeinstra SMA. Aquatic exercise & balneotherapy in musculoskeletal conditions. *Best Practice & Research Clinical Rheumatology*. 2012;26:335-43.
- [8] Herisson C, Tavares I, Thomas E, Françon A, Forestier R, Roques CF. Balneotherapy for rheumatic conditions - evidence based recommendations. *Annals of Physical and Rehabilitation Medicine*. 2014;57:e160.
- [9] Rapoliene L, Razbadauskas A, Mockeviciene D, Varžaitė L, Skarbalienė A. Balneotherapy for musculoskeletal pain: does the mineral content matter? *International journal of biometeorology*. 2020;64:965-79. Epub 2019/10/13.
- [10] Morer C, Roques CF, Françon A, Forestier R, Maravér F. The role of mineral elements and other chemical compounds used in balneology: data from double-blind randomized clinical trials. *International journal of biometeorology*. 2017;61:2159-73. Epub 2017/08/30.
- [11] Thông tư 52/2014/TT-BTNMT, ngày 09/9/2014 về quy định phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

3. Nguyên vật liệu

Là các thành phần khoáng vô cơ, được tổng hợp và phân tách từ các mỏ tự nhiên.

4. Yêu cầu kỹ thuật

4.1. Yêu cầu về ngoại quan

- Trang thái: Bột đồng nhất.
- Màu sắc, mùi vị: Màu trắng sữa, mùi đá khoáng nhẹ.

4.2. Các chỉ tiêu chất lượng

Khi hòa tan hoàn toàn 1.3g MIBA-Ti vào 1L nước thủy cực, hàm lượng các khoáng nằm trong mức chất lượng như được mô tả trong Bảng dưới đây.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng
1	K ⁺	mg/L	24-45
2	Na ⁺	mg/L	142-263
3	Ca ²⁺	mg/L	8-15
4	Mg ²⁺	mg/L	35-64
5	Zn ²⁺	mg/L	1.4-2.5
6	HCO ₃ ⁻	mg/L	14-25
7	CO ₃ ²⁻	mg/L	0.4-0.8
8	SO ₄ ²⁻	mg/L	300-562
9	Cl ⁻	mg/L	172-321
10	SiO ₂ ²⁻	mg/L	9.4-17.4
11	Ti	mg/L	2.9-5.4
12	Pb (Chì)	mg/L	Không phát hiện
13	As (Asen)	mg/L	Không phát hiện
14	Hg (Thủy ngân)	mg/L	Không phát hiện
15	Độ kích ứng da	-	Không đáng kể

4.3. Phương pháp thử

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử
1	K ⁺	TCVN 6196-3:2000
2	Na ⁺	TCVN 6196-3:2000
3	Ca ²⁺	SMEWW 3500-Ca B
4	Mg ²⁺	SMEWW 3500-Mg B
5	Zn ²⁺	TCVN 6193:1996
6	HCO ₃ ⁻	TCVN 6636-1:2000
7	CO ₃ ²⁻	TCVN 6636-1:2000
8	SO ₄ ²⁻	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E
9	Cl ⁻	TCVN 6194:1996
10	SiO ₂ ²⁻	SMEWW 4500-SiO ₂ B
11	Ti	Ref.TCVN 7131:2002
12	Pb (Chì)	TCVN 6193:1996
13	As (Asen)	TCVN 6626:2000
14	Hg (Thủy ngân)	TCVN 7877:2008
15	Độ kích ứng da	ISO 10993-10:2010

5. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản**5.1. Bao gói**

- Túi vải chứa khoáng đảm bảo không rách thủng khi vận chuyển và bảo quản. Túi nylon bọc ngoài túi vải đảm bảo không rách thủng, chảy nhựa dưới trời nắng.
- Sản phẩm được đóng vào túi vải 5kg.

5.2. Ghi nhãn

Nội dung ghi nhãn theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ ban hành Nghị định về nhãn hàng hóa và các văn bản hiện hành khác của nhà nước. Sản phẩm khoáng tắm ở dạng bột đóng vào túi vải có tài liệu chất lượng kèm theo với nội dung:

- Tên sản phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở này;
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;
- Khối lượng tịnh;
- Tháng, năm sản xuất;
- Tên và địa chỉ của doanh nghiệp đặt hàng sản xuất (nếu khách hàng yêu cầu);
- Khi xuất xưởng kèm theo phiếu giao hàng, phiếu an toàn vật liệu và hướng dẫn sử dụng.

5.3. Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng các phương tiện vận tải có che chắn chống mưa và ẩm ướt.

5.4. Bảo quản

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

5.5. Thời hạn sử dụng

Thời hạn sử dụng là 24 tháng.

6. Hướng dẫn sử dụng

Pha vào nước tắm theo liều lượng 1100-1300 mg/L.



MIBA-Ti 1

Khoáng Nano titan ngâm tẩm trị liệu

MIBA-Ti1

KHOÁNG NANO TITAN - NANO TITANIUM MINERALS



KL tịnh: 5kg
Net Wt: 5kg

Khoáng tẩm trị liệu MIBA-Ti1 là một sản phẩm dưới dạng bột, được tổng hợp chọn lọc và chế biến từ các nguồn nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên.

MIBA-Ti1 không chứa các chất phụ gia công nghiệp, không chứa chất tạo màu, tạo mùi.

MIBA-Ti1 trong quá trình sử dụng không bị biến đổi lý tính, hóa tính dẫn đến suy giảm hàm lượng vi khoáng có trong nước khoáng.

MIBA-Ti1

KHOÁNG NANO TITAN - NANO TITANIUM MINERALS

THÀNH PHẦN:	INGREDIENT:
Khoáng vi lượng từ thiên nhiên: Na ⁺ , Mg ²⁺ , Nano TiO ₂ , HCO ₃ ⁻ , SO ₄ ²⁻ , Cl ⁻ , SiO ₂ ²⁻	Natural minerals: Na ⁺ , Mg ²⁺ , Nano TiO ₂ , HCO ₃ ⁻ , SO ₄ ²⁻ , Cl ⁻ , SiO ₂ ²⁻
CÔNG NĂNG:	PERFORMANCE:
Bổ sung khoáng vi lượng cho cơ thể, phục hồi chức năng cơ xương khớp, cải thiện và tái tạo làn da, giải độc cho tế bào da, cân bằng nội tiết tố, hệ thần kinh, cải thiện tình trạng eczema, hỗ trợ tuần hoàn máu.	Supplement trace minerals for body, recover functions of muscle, bone, joint, detoxing skin cells, balance hormones and mentality, improve eczema situation and blood circulation.
CÁCH DÙNG:	USAGE:
Mở bao bì nilon, lấy túi vải treo trong bể cân bằng cho đến khi khoáng tan hết. Duy trì nồng độ khoáng trong toàn hệ thống trong khoảng 1100-1300 mg/L. Bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.	Open plastic bag, take fabric bag out and hand it in balance tank until minerals dissolved completely. Maintain minerals content of 1100-1300 mg/L in the system. Store in cool and dry place, avoid direct sunlight.
ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:	OBJECTS:
Phù hợp cho mọi đối tượng ≥ 3 tuổi	Applicable for people ≥ 3 years old
HẠN SỬ DỤNG:	EXPIRATION:
2 năm kể từ ngày SX (Xem ở đây)	2 years from MFG (dd/mm/yy)

Nhà SX: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
Manufacturer: TRAN MINH ENVIRONMENTAL SCIENCE & ENGINEERING CO. LTD.

ĐC: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Add: 68 Ho Huan Nghiep St, My An Ward, Ngu Hanh Son Dist. Danang City
Website: www.wm-vd.com

0973 911 157

TCCL số: TCSS 02:2024/TME



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

Số: 0324/QĐ-TME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành và công bố tiêu chuẩn áp dụng

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH KHOA HỌC & KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;
Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;
Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành và công bố áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở:
TCCS 02:2024/TME áp dụng cho sản phẩm Khoáng nano titan MBA-Ti1 (Mã số sản phẩm: TM-IMT1).
- Điều 2.** Tiêu chuẩn cơ sở nêu trên là căn cứ để cam kết, công bố với khách hàng và các bên liên quan về chất lượng sản phẩm khoáng nano titan MBA-Ti1 do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và phân phối.
- Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Lưu công ty.



BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Số: 0224/CB-TME

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
Địa chỉ: 68 Hồ Xuân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0973 911 157
Email: wa@tmem-vd.com

CÔNG BỐ:

Tên tiêu chuẩn cơ sở: **TCCS 02:2024/TME**


Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: Khoáng nano titan MBA-Ti1

- Kiểu, loại, mã số sản phẩm dạng bột được chứa trong túi vải. Túi vải được bọc ngoài bằng túi nylon hàn kín.
- Nhân hiệu, hàng hóa: MBA-Ti1
- Mã ký hiệu sản phẩm: TM-IMT1

Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.



Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2024





VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE

Website: www.deming.vn Email: deming.vn@gmail.com

Mã số/Code BN 4118717 - 01	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày/Date: 09/10/2024 Trang/Page: 01/02
-------------------------------	---	--

Tên mẫu/Name of Sample: Khoáng nano titan MIBA-TI 1

Kí hiệu mẫu/Sample Mark: -

Số lượng mẫu/Quantity: 01

Tình trạng mẫu/Sample description: Mẫu chứa trong chai nhựa


Ngày nhận mẫu/Date of receiving: 04/10/2024

Thời gian thử nghiệm/Testing period: 04/10/2024 - 09/10/2024

Đơn vị gửi mẫu/Client: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
68 Hồ Huân Nghiệp, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng,
Việt Nam

Địa chỉ/Address:

Kết quả thử nghiệm/Test results: Xem trang 02/02



TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2
Head of Technical Division 2

ĐẠI DIỆN VIỆN
On behalf of the Institute

VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
ĐẠI DIỆN VIỆN

LÊ TRỌNG NHÂN

(*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 / Test Method are accredited by ISO/IEC 17025

(**) Kết quả được thực hiện tại nhà của thí nghiệm / Tested by Sub-center

(***) Phương pháp thử được chỉ định / Test method are assigned


- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi / Test results are valid for the exactly submitted sample (s) only.

- Tên mẫu, số khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu Name of sample and customer are written as customer's request.

- Không được trích sao một phần/Phần lớn kết quả thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming / This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.



Address: Lot 22-23, B1-A, KDC Quang Thanh 3B, Hoa Khanh ward, Liên Chiểu district, Đà Nẵng city. Tel: 0236.6167919 Fax: 0236.3817519

BM-06-QT-08(PJ)001(002) Lần in số: 00



VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE

Website: www.deming.vn Email: deming.vn@gmail.com

Mã số/Code BN 4118717 - 01	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày/Date: 09/10/2024 Trang/Page: 02/02
-------------------------------	---	--

TT/ No	Chỉ tiêu thử nghiệm/ Test characteristic			Kết quả thử nghiệm/ Test result
	Tên chỉ tiêu/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	
1	Hàm lượng Na ⁺ (*)	mg/L	TCVN 6196-3:2000	210
2	Hàm lượng Mg ²⁺	mg/L	SMEWW 1500-Mg B	49,7
3	Hàm lượng Cl ⁻ (*)	mg/L	TCVN 6194:1996	240
4	Hàm lượng Ti	mg/L	Ref. TCVN 7131:2002	3,84
5	Hàm lượng HCO ₃ ⁻	mg/L	TCVN 6636-1:2000	19,6
6	Hàm lượng SiO ₂ ²⁺	mg/L	SMEWW 4500-SiO ₂ B	13,5
7	Hàm lượng SO ₄ ²⁻ (**)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E	435
8	Hàm lượng Pb ^(*)	mg/L	TCVN 6193:1996	Không phát hiện (< 0,005)
9	Hàm lượng As ^(*)	mg/L	TCVN 6626:2000	Không phát hiện (< 0,001)
10	Hàm lượng Hg ^(*)	mg/L	TCVN 7877:2008	Không phát hiện (< 0,0005)
11	Độ kích ứng da	-	ISO 10993-10:2010	Không đáng kể

(*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 / Test Method are accredited by ISO/IEC 17025

(**) Kết quả được thực hiện tại nhà của thí nghiệm / Tested by Sub-center

(***) Phương pháp thử được chỉ định / Test method are assigned

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi / Test results are valid for the exactly submitted sample (s) only.

- Tên mẫu, số khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu Name of sample and customer are written as customer's request.

- Không được trích sao một phần/Phần lớn kết quả thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming / This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.

Address: Lot 22-23, B1-A, KDC Quang Thanh 3B, Hoa Khanh ward, Liên Chiểu district, Đà Nẵng city. Tel: 0236.6167919 Fax: 0236.3817519

BM-06-QT-08(PJ)001(002) Lần in số: 00



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
TRAN MINH ENVIRONMENTAL SCIENCE AND ENGINEERING CO., LTD.

MSDS **PHIẾU AN TOÀN SẢN PHẨM KHOÁNG NHÂN TẠO**
MATERIAL SAFETY DATA SHEET FOR ARTIFICIAL MINERALS

I. Nhận biết sản phẩm và thông tin nhà sản xuất
Product and Company Identification

1. Nhận dạng sản phẩm / Product Identification

Tên sản phẩm : Khoáng nano titan MIBA-Ti1
Product name : Nano titanium minerals MIBA-Ti1
Mã sản phẩm : TM-IMTi1
Product code : TM-IMTi1
Mục đích sử dụng : TM-IMTi1 (MIBA-Ti1) dùng cho mục đích tắm thư giãn và trị liệu, ngăn ngừa lão hóa, phục hồi chức năng cơ thể và cân bằng hoạt động của hệ cơ quan trong cơ thể...
Product use : TM-IMTi1 is applied for relaxing and therapy bathing, anti-aging, body functions recovery, and organ system balance

2. Thông tin công ty / Company information

Tên công ty : Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh
Company name : Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME)
Địa chỉ : 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Address : 68 Ho Huan Nghiep St, My An Ward, Ngu Hanh Son Dist, Da Nang City
Website : www.wm-vd.com
Email : wa@wm-vd.com
Hotline : 0973 911 157

II. Thông tin về thành phần các chất
Ingredients

THÀNH PHẦN INGREDIENT		Hàm lượng (% theo trọng lượng) Content (% by weight)
Ký hiệu Symbol	Tên Name	
Na ⁺	Sodium	20.71-38.45%
Mg ²⁺	Magnesium	1.77-3.29%
Cl ⁻	Chloride	7.32-13.6%
HCO ₃ ⁻	Bicarbonate	17.54-32.57%
SO ₄ ²⁻	Sulphate	7.08-13.15%
Ti	Titanium	0.08-0.16%
SiO ₂ ⁺	Metasilicate	15.45-28.68%

Khoáng TM-IMTi1 (MIBA-Ti1) màu trắng sữa, mùi khoáng nhẹ.
TM-IMTi1 (MIBA-Ti1) has milky white color and slightly mineral smell.

III. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của sản phẩm
Hazards Identification

1. Cảnh báo nguy hiểm / Warning

- Tránh xa tầm tay trẻ em
Keep out of reach of children
- Khi bị khoáng dính vào mắt thì rửa lại bằng nước
Wash with water when contacting with mineral

2. Các đường tiếp xúc và triệu chứng / Routes of exposure and symptoms

- Đường mắt : Không gây kích ứng mắt
Eye contact : No eye irritation
- Đường da : Không gây kích ứng da
Skin contact : No skin irritation
- Đường tiêu hóa : Không được uống
Ingestion : No swallow
- Đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương : Không ảnh hưởng đến mũi, đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương
Inhalation, central nervous system : No effect on nasal and respiratory and central nervous system

IV. Biện pháp sơ cứu
First aid measures

- Đường mắt : Rửa với nước sạch tối thiểu 1 phút. Đưa đến trung tâm y tế nếu thấy xốn mắt.
Eyes : Flush with clean water for at least 1 minutes. Seek medical attention if eye irritation persists.
- Đường da : Không ảnh hưởng đến da.
Skin : No bad effect on skin.
- Đường tiêu hóa : Cho bệnh nhân uống 01 - 02 ly nước rồi chuyển họ đến trung tâm y tế.
Ingestion : Give 01 or 02 glasses of water and seek medical attention.
- Đường hô hấp : Không ảnh hưởng đến đường hô hấp.
Inhalation : No effect on respiratory.
- Đồ bảo hộ : Không cần dùng đồ bảo hộ.
Protective clothing : No safety ware needed.

V. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố
Accidental release measures

- Khí tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Lau khô để tránh trơn trượt
Small spill: Clean up to prevent from slip.
- Khí tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Không để người đi qua lại để trơn trượt
Large spill: Avoid people surrounding and clean up to prevent from slip.

VI. Xử lý và bảo quản Handling and storage
<p>1. Thận trọng trong việc bảo quản / Precautions for Safe Handling</p> <ul style="list-style-type: none"> Tránh tiếp xúc với mắt. Avoid contact with eyes. <p>2. Điều kiện lưu trữ an toàn / Conditions for Safe Storage</p> <ul style="list-style-type: none"> Không có lưu ý đặc biệt. No specific caution.
VII. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân Exposure Controls/Personal Protection
<ul style="list-style-type: none"> Kiểm soát kỹ thuật: Không có lưu ý đặc biệt. Engineering Controls: No specific caution. Bảo vệ cá nhân: Không cần các biện pháp bảo vệ cá nhân. Personal Protection: No safety ware needed.
VIII. Đặc tính lý, hóa của sản phẩm Physical and Chemical Properties
<ul style="list-style-type: none"> Trạng thái: Bột Status: Powder Khối lượng riêng đồ đóng: 1.4kg/L Specific bulking weight: 1.4kg/L pH: 8.0 - 8.5
IX. Độ ổn định và khả năng hoạt động của khoáng Stability and Reactivity
<ul style="list-style-type: none"> Khả năng phản ứng: Không phản ứng Reactivity: Not reaction Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không có khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm. Possibility of hazardous reactions: Inability to hazardous reactions Tính ổn định hóa học: Ổn định Chemical stability: Stable
X. Thông tin về độc tính Toxicological Information
<ul style="list-style-type: none"> Tiếp xúc qua đường hô hấp: Không ảnh hưởng đến hệ hô hấp, không ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương. Inhalation: No effect on respiratory. Tiếp xúc qua da: Dung dịch không ảnh hưởng đến da. Skin contact: The solution can cause neither skin burn nor irritation. Tiếp xúc qua mắt: Tiếp xúc có thể gây viêm mắt. Eye contact: Contact may cause redness and tearing. Tiếp xúc qua đường tiêu hóa: Nuốt có thể gây buồn nôn, nôn mửa. Ingestion: Swallowing may cause nausea, vomiting.

Trang 3 / 5

XI. Thông tin về sinh thái Ecological Information
<ul style="list-style-type: none"> Độc tính với hệ sinh thái: Không ảnh hưởng đến hệ sinh thái. Ecotoxicity: No specific aquatic toxicity data is currently available. Độc với tầng ozone: Không làm tổn hại đến tầng ozone. Its vapour is not harmful to ozone layer Các tác dụng ngoại ý khác: Chưa biết Other adverse effects: Unknown
XII. Yêu cầu trong việc thải bỏ Disposal considerations
<ul style="list-style-type: none"> Xử lý chất thải: Chất thải phải được xử lý theo các quy định và kiểm soát môi trường của địa phương. Waste disposal: Waste must be disposed of in accordance with federal, state and local environmental control regulations. Có thể thải vào hệ thống xử lý nước: thải hoặc thải bỏ thông ra cống với số lượng ít. Discharge into wastewater treatment plant or directly to sewerage with small amount.
XIII. Yêu cầu trong việc vận chuyển Transportation Information
<ul style="list-style-type: none"> Yêu cầu đặc biệt cho việc vận chuyển: Không có yêu cầu đặc biệt. Special Provisions for Transport: No specific requirement.
XIV. Thông tin khác Other information
<ul style="list-style-type: none"> Ngày tháng biên soạn lại phiếu: 10/10/2024 Re-edited at: 10/10/2024 Soạn thảo lại bởi: Công ty TNHH Khoa học & Kỹ thuật môi trường Trần Minh Re-edited by: Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).

Trang 4 / 5

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM
TECHNICAL DATA SHEET
KHOÁNG NANO TITAN TM-IMT1 (MIBA-Ti)

 BHSD / Edition: 02/2024/TME
 Ngày ban hành / Valid: 10/10/2024

- Xuất xứ / Origin**
Khoáng nano titan TM-IMT1 (MIBA-Ti) được nghiên cứu và sản xuất bởi công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh (TME).
Nano titanium minerals TM-IMT1 (MIBA-Ti) has been researched and produced by Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).
 - Thành phần / Composition**
Khoáng nano titan TM-IMT1 (MIBA-Ti) được sản xuất từ các chất khoáng vô cơ có thể hòa tan.
Nano titanium minerals TM-IMT1 is produced from inorganic minerals.
Khoáng nano titan TM-IMT1 có màu khoáng nhẹ, màu trắng đục.
TM-IMT1 has opaque white color and slightly mineral smut.
 - Công năng / Performance**
TM-IMT1 dùng cho mục đích tắm thư giãn, trị liệu, ngăn ngừa lão hóa, phục hồi chức năng cơ thể và cân bằng hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể.
TM-IMT1 is applied for relaxing bathing, therapy, anti-aging, body functions recovery, organ systems balance.
Khi sử dụng, đổ bột TM-IMT1 vào bồn nước nóng, chờ bột hòa vào nước (hoặc dùng tay khuấy tròn cho nhanh) rồi ngâm tắm.
Spread TM-IMT1 to bath tub, wait for the powder to dissolve in water.
Định lượng: Pha TM-IMT1 vào nước theo tỷ lệ khối lượng [TM-IMT1:Nước] = 1.1:1-1.3:1.
Dose for bathing: [TM-IMT1:Water] = 1.1:1-1.3:1.
 - Thông tin đóng gói, bảo quản/ Packing and storage information**
Bao bì / Packing: Bao nhựa Sấy / Plastic bag Sg
Bảo quản / Storage: Nơi khô thoáng / Stored in fresh & dry place
Hạn sử dụng / Expiry: 24 tháng kể từ ngày sản xuất / 24 months since manufacturing
- Vui lòng xem tham khảo thêm tài liệu hướng dẫn an toàn (MSDS) để biết thêm thông tin lưu kho, bảo quản và sử dụng sản phẩm an toàn và hiệu quả.
Before using this product please consult our Material Safety Data Sheet (MSDS) for information on safe handling and storage.

Trang 5 / 5

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
 Địa chỉ: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
 ĐT: 0973911157; Web: www.wm-vd.com; Email: wa@wm-vd.com



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 02:2024/TME

TÊN SẢN PHẨM
KHOÁNG NANO TITAN

NHÃN HIỆU SẢN PHẨM
MIBA-Ti1

MÃ SẢN PHẨM
TM-IMTi1

Đà Nẵng, tháng 10 năm 2024

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho khoáng tắm trị liệu do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và kinh doanh.
 Địa chỉ công ty: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

2. Tài liệu/Tiêu chuẩn tham khảo

- [1] Kamioka H, Mori Y, Nagata K, Iwanaga S, Uzura M, Yamaguchi S. Relationship of daily hot water bathing at home and hot water spa bathing with underlying diseases in middle-aged and elderly ambulatory patients: A Japanese multicenter cross-sectional study. *Complementary Therapies in Medicine*. 2019;43:232-9.
- [2] Shani J, Barak S, Levi D, Ram M, Schachner ER, Schlesinger T, Robberecht H, Van Grieken R, Avrach WW. Skin penetration of minerals in psoriatics and guinea-pigs bathing in hypertonic salt solutions. *Pharmacological Research Communications*. 1985;17:501-12.
- [3] Sukenik S, Flusser D, Abu-Shakra M. THE ROLE OF SPA THERAPY IN VARIOUS RHEUMATIC DISEASES. *Rheumatic Disease Clinics of North America*. 1999;25:883-97.
- [4] Lund JW. Balneological use of thermal and mineral waters in the U.S.A. *Geothermics*. 1996;25:103-47.
- [5] Vaidya B, Nakarmi S. A Qualitative Study of Patients' Beliefs and Perception on Medicinal Properties of Natural Hot Spring Bath for Musculoskeletal Problems. *Journal of environmental and public health*. 2020;2020:3694627. Epub 2020/07/23.
- [6] Sas S, Kaya DO, Celenay ST. Comparison of Blood Pressure and Pulse Adaptations Between Younger and Older Patients During Balneotherapy With Physiotherapy. *Journal of Chiropractic Medicine*. 2022;21:197-203.
- [7] Verhagen AP, Cardoso JR, Bierma-Zeinstra SMA. Aquatic exercise & balneotherapy in musculoskeletal conditions. *Best Practice & Research Clinical Rheumatology*. 2012;26:335-43.
- [8] Herisson C, Tavares I, Thomas E, Françon A, Forestier R, Roques CF. Balneotherapy for rheumatic conditions – evidence based recommendations. *Annals of Physical and Rehabilitation Medicine*. 2014;57:e160.
- [9] Rapoliene L, Razbadauskas A, Mockevičienė D, Varžaitytė L, Skarbaliene A. Balneotherapy for musculoskeletal pain: does the mineral content matter? *International journal of biometeorology*. 2020;64:965-79. Epub 2019/10/13.
- [10] Morer C, Roques CF, Françon A, Forestier R, Maraver F. The role of mineral elements and other chemical compounds used in balneology: data from double-blind randomized clinical trials. *International journal of biometeorology*. 2017;61:2159-73. Epub 2017/08/30.
- [11] Thông tư 52/2014/TT-BTNMT, ngày 09/9/2014 về quy định phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên nước khoáng, nước nóng thiên nhiên;

3. Nguyên vật liệu

Là các thành phần khoáng vô cơ, được tổng hợp và phân tách từ các mỏ tự nhiên.

4. Yêu cầu kỹ thuật

4.1. Yêu cầu về ngoại quan

- Trạng thái: Bột đồng nhất.
- Màu sắc, mùi vị: Màu trắng sữa, mùi đá khoáng nhẹ.

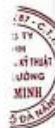
4.2. Các chỉ tiêu chất lượng

Khi hòa tan hoàn toàn 1.3g MIBA-Ti vào 1L nước thủy cực, hàm lượng các khoáng nằm trong mức chất lượng như được mô tả trong Bảng dưới đây.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng
1	Na ⁺	mg/L	147-273
2	Mg ²⁺	mg/L	35-65
3	Cl ⁻	mg/L	168-312
4	Ti	mg/L	3-5
5	HCO ₃ ⁻	mg/L	14-26
6	SiO ₂ ²⁻	mg/L	10-18
7	SO ₄ ²⁻	mg/L	305-566
8	Pb (Chì)	mg/L	Không phát hiện
9	As (Asen)	mg/L	Không phát hiện
10	Hg (Thủy ngân)	mg/L	Không phát hiện
11	Độ kích ứng da	-	Không đáng kể

4.3. Phương pháp thử

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử
1	Na ⁺	TCVN 6196-3:2000
2	Mg ²⁺	SMEWW 3500-Mg B
3	Cl ⁻	TCVN 6194:1996
4	Ti	Ref.TCVN 7131:2002
5	HCO ₃ ⁻	TCVN 6636-1:2000
6	SiO ₂ ²⁻	SMEWW 4500-SiO ₂ B
7	SO ₄ ²⁻	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E
8	Pb (Chì)	TCVN 6193:1996
9	As (Asen)	TCVN 6626:2000
10	Hg (Thủy ngân)	TCVN 7877:2008
11	Độ kích ứng da	ISO 10993-10:2010



5. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản

5.1. Bao gói

- Túi vải chứa khoáng đảm bảo không rách thủng khi vận chuyển và bảo quản. Túi nilon bọc ngoài túi vải đảm bảo không rách thủng, chảy nhựa dưới trời nắng.
- Sản phẩm được đóng vào túi vải 5kg.

5.2. Ghi nhãn

Nội dung ghi nhãn theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ ban hành Nghị định về nhãn hàng hóa và các văn bản hiện hành khác của nhà nước. Sản phẩm khoáng tắm ở dạng bột đóng vào túi vải có tài liệu chất lượng kèm theo với nội dung:

- Tên sản phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở này;
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;
- Khối lượng tịnh;
- Tháng, năm sản xuất;
- Tên và địa chỉ của doanh nghiệp đặt hàng sản xuất (nếu khách hàng yêu cầu);

- Khi xuất xưởng kèm theo phiếu giao hàng, phiếu an toàn vật liệu và hướng dẫn sử dụng.

5.3. Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng các phương tiện vận tải có che chắn chống mưa và ẩm ướt.

5.4. Bảo quản

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

5.5. Thời hạn sử dụng

Thời hạn sử dụng là 24 tháng.

6. Hướng dẫn sử dụng

Pha vào nước tắm theo liều lượng 1100-1300 mg/L.



MIMUD

bùn khoáng ngâm tắm trị liệu





BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
Số: 0222/CB-TME

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
Địa chỉ: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0973 911 157
Email: wa@wm-vd.com

CÔNG BỐ:

Tên tiêu chuẩn cơ sở: **TCCS 02:2022/TME**

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: Bùn Khoáng tẩm trị liệu

- Kiểu, loại, mã số: Sản phẩm dạng bột được chứa trong túi vải. Túi vải được bọc ngoài bằng túi nilon hàn kín.
- Nhân hiệu hàng hóa: MIMUD
- Mã ký hiệu sản phẩm: TM-MM

Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 3 năm 2022
ĐẠI DIỆN CÔNG TY



MIMUD

BÙN KHOÁNG NGÂM TẮM TRỊ LIỆU

Bùn khoáng MIMUD là một sản phẩm được tổng hợp - chế biến từ bùn vô cơ và các nguyên tố khoáng có trong tự nhiên.

MIMUD không chứa các chất phụ gia công nghiệp, không chứa chất tạo màu, tạo mùi.

Ngoài việc bổ sung các khoáng vi lượng hữu ích cho cơ thể, MIMUD thích hợp cho việc hỗ trợ điều trị các bệnh ngoài da,...

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0222/QĐ-TME

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành và công bố tiêu chuẩn áp dụng

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH KHOA HỌC & KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;
Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;
Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành và công bố áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở:

TCCS 02:2022/TME áp dụng cho sản phẩm Bùn Khoáng tẩm trị liệu MIMUD (Mã sản phẩm: TM-MM).

Điều 2. Tiêu chuẩn cơ sở nêu trên là căn cứ để cam kết, công bố với khách hàng và các bên liên quan về chất lượng sản phẩm Bùn Khoáng tẩm trị liệu MIMUD do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và phân phối.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:


- Lưu công ty.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY







Tắm bùn khoáng mang lại rất nhiều lợi ích cho người sử dụng, làm đẹp da và hỗ trợ chữa nhiều bệnh hiệu quả, được nhiều y văn mô tả và khuyên dùng như một liệu pháp quan trọng trong điều trị và phòng bệnh.



VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE

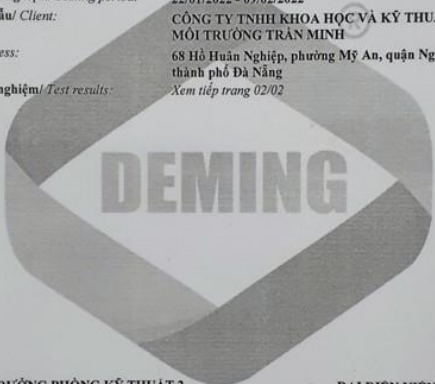
Website: www.deming.vn Email: info@deming.vn

Mã số / Code
BN 24818-01


PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date: 09/02/2022
Trang/ Page: 01/02

Tên mẫu / Name of Sample: **Khoáng bùn TM-MM**
 Ký hiệu mẫu / Sample mark:
 Số lượng mẫu / Quantity: **01**
 Tình trạng mẫu / Sample description: **Mẫu khoáng 2,5 L, được chứa trong can nhựa.**
 Ngày nhận mẫu / Date of receiving: **22/01/2022**
 Thời gian thử nghiệm / Testing period: **22/01/2022 - 09/02/2022**
 Đơn vị gửi mẫu / Client: **CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH**
 Địa chỉ / Address: **68 Hồ Huân Nghiệp, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng**
 Kết quả thử nghiệm / Test results: **Xem tiếp trang 02/02**





TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2
Head of Technical Division 2



LÊ TRỌNG NHÂN


ĐẠI DIỆN VIỆN
On behalf of the Institute



LÊ THỊ MỘNG TRINH

(*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 / Test Methods are accredited to ISO/IEC 17025.
 (**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Tested by Subcontractor.
 (†) Phương pháp thử được chỉ định / Test methods are assigned.
 * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi / Test results are valid for the normally submitted sample (†) only.
 * Tên mẫu, từ khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu / Name of sample and customer are written as customer's request.
 * Không được trích sao một phần Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming / This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.

Address: Lot 21-22, B1.6, KDC Quang Thành 3B, Hòa Khánh Bắc ward, Liên Chiểu district, Đà Nẵng city Tel: 0236.6562929 Fax: 0236.3617519



VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE

Website: www.deming.vn Email: info@deming.vn

Mã số / Code
BN 24818-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date: 09/02/2022
Trang/ Page: 02/02

TT No.	Chỉ tiêu thử nghiệm / Test characteristic			Kết quả thử nghiệm / Test result
	Tên chỉ tiêu / Parameters	Đơn vị / Unit	Phương pháp thử / Test Method	
1.	Hàm lượng K ⁺	mg/L	TCVN 6196-3:2000	11,5
2.	Hàm lượng Na ⁺	mg/L	TCVN 6196-3:2000	619
3.	Hàm lượng Ca ²⁺	mg/L	SMEWW 3111 B	24,9
4.	Hàm lượng Mg ²⁺	mg/L	SMEWW 3111 B	24,8
5.	Hàm lượng Zn ²⁺	mg/L	TCVN 6193:1996	Không phát hiện (< 0,02)
6.	Hàm lượng HCO ₃ ⁻	mg/L	TCVN 6636-1:2000	64,1
7.	Hàm lượng CO ₃ ²⁻	mg/L	TCVN 6636-1:2000	0
8.	Hàm lượng SO ₄ ²⁻	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E	787
9.	Hàm lượng Cl ⁻	mg/L	TCVN 6194:1996	231
10.	Hàm lượng SiO ₂ ²⁻	mg/L	SMEWW 4500-SIO ₂ B	46,0
11.	Hàm lượng Pb ⁺	mg/L	TCVN 6193:1996	Không phát hiện (< 0,005)
12.	Hàm lượng As ⁺	mg/L	TCVN 6626:2000	Không phát hiện (< 0,001)
13.	Hàm lượng Hg ⁺	mg/L	TCVN 7877:2008	Không phát hiện (< 0,0005)
14.	Độ kích ứng da	-	ISO 10993-10:2010	Không đáng kể
15.	Hàm lượng TSS ^(†)	mg/L	TCVN 6625:2000	47362

(*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 / Test Methods are accredited to ISO/IEC 17025.
 (**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Tested by Subcontractor.
 (†) Phương pháp thử được chỉ định / Test methods are assigned.
 * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi / Test results are valid for the normally submitted sample (†) only.
 * Tên mẫu, từ khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu / Name of sample and customer are written as customer's request.
 * Không được trích sao một phần Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming / This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.

Address: Lot 21-22, B1.6, KDC Quang Thành 3B, Hòa Khánh Bắc ward, Liên Chiểu district, Đà Nẵng city Tel: 0236.6562929 Fax: 0236.3617519



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
TRAN MINH ENVIRONMENTAL SCIENCE AND ENGINEERING CO. LTD.

PHIẾU AN TOÀN SẢN PHẨM BÙN KHOÁNG TẮM
MATERIAL SAFETY DATA SHEET FOR BATHING MINERAL MUD

I. Nhận biết sản phẩm và thông tin nhà sản xuất
Product and Company Identification

1. Nhận dạng sản phẩm / Product Identification

Tên sản phẩm : Bùn Khoáng tắm MIMUD
Product name : Bathing mineral mud MIMUD
Mã sản phẩm : TM-MM
Product code : TM-MM
Mục đích sử dụng : TM-MM (MIMUD) dùng cho mục đích tắm thư giãn và trị liệu, ngăn ngừa lão hóa, phục hồi chức năng cơ thể và cân bằng hoạt động của hệ cơ quan trong cơ thể...
Product use : TM-MM is applied for relaxing and therapy bathing, anti-aging, body functions recovery, and organ system balance

2. Thông tin công ty / Company information

Tên công ty : Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh
Company name : Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME)
Địa chỉ : 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Address : 68 Ho Huan Nghiep St., My An Ward, Ngu Hanh Son Dist., Da Nang City
Website : www.wm-vd.com
Email : wa@wm-vd.com
Hotline : 0973 911 157

II. Thông tin về thành phần các chất
Ingredients

THÀNH PHẦN INGREDIENT		Hàm lượng (% khối lượng) Content (% by weight)
Ký hiệu Symbol	Tên Name	
K ⁺	Potassium	15-22%
Na ⁺	Sodium	8.0-11%
Ca ²⁺	Calcium	0.3-1%
Mg ²⁺	Magnesium	1-3%
Zn ²⁺	Zinc	0.1-1.3%
HCO ₃ ⁻	Bicarbonate	0.2-1%
CO ₃ ²⁻	Carbonate	0.03-1%
SO ₄ ²⁻	Sulphate	13-24%
Cl ⁻	Chloride	4-15%
SiO ₃ ²⁻	Metasilicate	0.5-1%
Bùn	Mud	55-65%

Bùn khoáng TM-MM (MIMUD) màu nâu nhạt, mùi bùn khoáng nhẹ.
TM-MM (MIMUD) has light brown color and slightly earthy mineral smell.

III. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của sản phẩm
Hazards Identification

1. Cảnh báo nguy hiểm / Warning

- Tránh xa tầm tay trẻ em
Keep out of reach of children
- Khi bị khoáng dính vào mắt thì rửa lại bằng nước
Wash with water when contacting with mineral

2. Các đường tiếp xúc và triệu chứng / Routes of exposure and symptoms

- Đường mắt : Không gây kích ứng mắt
Eye contact : No eye irritation
- Đường da : Không gây kích ứng da
Skin contact : No skin irritation
- Đường tiêu hóa : Không được uống
Ingestion : No swallow
- Đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương : Không ảnh hưởng đến mũi, đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương
Inhalation, central nervous system : No effect on nasal and respiratory and central nervous system.

IV. Biện pháp sơ cứu
First aid measures

- Đường mắt : Rửa với nước sạch tối thiểu 1 phút. Đưa đến trung tâm y tế nếu thấy xốn mắt.
Eyes : Flush with clean water for at least 1 minutes. Seek medical attention if eye irritation persists.
- Đường da : Không ảnh hưởng đến da.
Skin : No bad effect on skin.
- Đường tiêu hóa : Cho bệnh nhân uống 01 - 02 ly nước rồi chuyển họ đến trung tâm y tế.
Ingestion : Give 01 or 02 glasses of water and seek medical attention.
- Đường hô hấp : Không ảnh hưởng đến đường hô hấp.
Inhalation : No effect on respiratory.
- Đồ bảo hộ : Không cần dùng đồ bảo hộ.
Protective clothing : No safety ware needed.

V. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố
Accidental release measures

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Lau khô để tránh trơn trượt
Small spill: Clean up to prevent from slip.
- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Không để người đi qua lại dễ trơn trượt
Large spill: Avoid people surrounding and clean up to prevent from slip.

VI. Xử lý và bảo quản Handling and storage
<p>1. Thận trọng trong việc bảo quản / Precautions for Safe Handling</p> <ul style="list-style-type: none"> Tránh tiếp xúc với mắt. <i>Avoid contact with eyes.</i> <p>2. Điều kiện lưu trữ an toàn / Conditions for Safe Storage</p> <ul style="list-style-type: none"> Không có lưu ý đặc biệt. <i>No specific caution.</i>
VII. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân Exposure Controls/Personal Protection
<ul style="list-style-type: none"> Kiểm soát kỹ thuật: Không có lưu ý đặc biệt. <i>Engineering Controls: No specific caution.</i> Bảo vệ cá nhân: Không cần các biện pháp bảo vệ cá nhân. <i>Personal Protection: No safety ware needed.</i>
VIII. Đặc tính lý hóa của sản phẩm Physical and Chemical Properties
<ul style="list-style-type: none"> Trạng thái: Bột <i>Status: Powder</i> Khối lượng riêng độ đóng: 1.2kg/L <i>Specific bulking weight: 1.2kg/L</i> pH: 8.0 - 8.5
IX. Độ ổn định và khả năng hoạt động của khoáng Stability and Reactivity
<ul style="list-style-type: none"> Khả năng phản ứng: Không phản ứng. <i>Reactivity: Not reaction</i> Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không có khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm. <i>Possibility of hazardous reactions: Inability to hazardous reactions</i> Tính ổn định hóa học: Ổn định <i>Chemical stability: Stable</i>
X. Thông tin về độc tính Toxicological information
<ul style="list-style-type: none"> Tiếp xúc qua đường hô hấp: Không ảnh hưởng đến hệ hô hấp, không ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương. <i>Inhalation: No effect on respiratory.</i> Tiếp xúc qua da: Dung dịch không ảnh hưởng đến da. <i>Skin contact: The solution can cause neither skin burn nor irritation.</i> Tiếp xúc qua mắt: Tiếp xúc có thể gây xót mắt. <i>Eye contact: Contact may cause redness and tearing</i> Tiếp xúc qua đường tiêu hóa: Nuốt có thể gây buồn nôn, nôn mửa. <i>Ingestion: Swallowing may cause nausea, vomiting.</i>

XI. Thông tin về sinh thái Ecological information
<ul style="list-style-type: none"> Độc tính với hệ sinh thái: Không ảnh hưởng đến hệ sinh thái. <i>Ecotoxicity: No specific aquatic toxicity data is currently available.</i> Đốt với tầng ozone: Không làm tổn hại đến tầng ozone. <i>Its vapour is not harmful to ozone layer</i> Các tác dụng ngoại ý khác: Chưa biết <i>Other adverse effects: Unknown</i>
XII. Yêu cầu trong việc thải bỏ Disposal considerations
<ul style="list-style-type: none"> Xử lý chất thải: Chất thải phải được xử lý theo các quy định về kiểm soát môi trường của địa phương. <i>Waste disposal: Waste must be disposed of in accordance with federal, state and local environmental control regulations.</i> Có thể thải vào hệ thống xử lý nước thải hoặc thải bỏ thẳng ra cống với số lượng ít. <i>Discharge into wastewater treatment plant or directly to sewerage with small amount.</i>
XIII. Yêu cầu trong việc vận chuyển Transportation information
<ul style="list-style-type: none"> Yêu cầu đặc biệt cho việc vận chuyển: Không có yêu cầu đặc biệt. <i>Special Provisions for Transport: No specific requirement.</i>
XIV. Thông tin khác Other information
<ul style="list-style-type: none"> Ngày tháng biên soạn lại phiên: 24/9/2022 <i>Re-edited at: 24/9/2022</i> Soạn thảo lại bởi: Công ty TNHH Khoa học & Kỹ thuật môi trường Trần Minh <i>Re-edited by: Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).</i>

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM
TECHNICAL DATA SHEET
BÙN KHOÁNG TẮM TM-MM (MIMUD)

BHSD / Edition: 03/2022/TME
Ngày ban hành / Valid: 20/3/2022

- Xuất xứ / Origin**
Bùn khoáng tắm trị liệu TM-MM (MIMUD) được nghiên cứu và sản xuất bởi công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh (TME).
Mineral Mud TM-MM (MIMUD) has been researched and produced by Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).
- Thành phần / Composition**
Khoáng TM-MM (MIMUD) được sản xuất từ các chất khoáng vô cơ có thể hòa tan và bùn thiên nhiên.
Minerals TM-MM is produced from inorganic minerals and natural mud.
Khoáng bùn TM-MM có mùi đất khoáng nhẹ, màu nâu nhạt.
TM-MM has slightly earthy mineral smell and light brown color.

- Công năng / Performance**
TM-MM dùng cho mục đích tắm thư giãn, trị liệu, ngăn ngừa lão hóa, phục hồi chức năng cơ thể và cân bằng hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể.
TM-MM is applied for relaxing bathing, therapy, anti-aging, body functions recovery, organ systems balance
Khi sử dụng, đổ bột TM-MM vào bồn nước nóng, chờ bột hòa vào nước (hoặc dùng tay khuấy trộn cho nhanh) rồi ngâm tắm.
Spread TM-MM to bath tub, wait for the powder to dissolve in water.

Định liều: Pha TM-MM vào nước theo tỷ lệ khối lượng 2,5 g/L.
Dose for bathing: Add TM-MM to tap water by dosage of 2.5 g/L.

4. Thông tin đóng gói, bảo quản/ Packing and storage information

Bao bì / Packing: Bao vải 500g / fabric bag 500g
Bảo quản / Storage: Nơi khô thoáng / Stored in fresh & dry place
Hạn sử dụng / Expiry: 24 tháng kể từ ngày sản xuất / 24 months since manufacturing

Vui lòng xem tham khảo thêm tài liệu hướng dẫn an toàn (MSDS) để biết thêm thông tin lưu kho, bảo quản và sử dụng sản phẩm an toàn và hiệu quả.
Before using this product please consult our Material Safety Data Sheet (MSDS) for information on safe handling and storage.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
Địa chỉ: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0973911157; Web: www.wm-vd.com; Email: wa@wm-vd.com



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 02:2022/TME

TÊN SẢN PHẨM
BÙN KHOÁNG TẮM TRỊ LIỆU

NHÂN HIỆU SẢN PHẨM
MIMUD

MÃ SẢN PHẨM
TM-MM

Đà Nẵng, tháng 3 năm 2022



1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho Bùn Khoáng tắm trị liệu do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và kinh doanh.
Địa chỉ công ty: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

2. Tài liệu/Tiêu chuẩn tham khảo

- [1] Kamioka H, Mori Y, Nagata K, Iwanaga S, Uzura M, Yamaguchi S. Relationship of daily hot water bathing at home and hot water spa bathing with underlying diseases in middle-aged and elderly ambulatory patients: A Japanese multicenter cross-sectional study. *Complementary Therapies in Medicine*. 2019;43:232-9.
- [2] Shani J, Barak S, Levi D, Ram M, Schachner ER, Schlesinger T, Robberecht H, Van Grieken R, Avrach WW. Skin penetration of minerals in psoriatics and guinea-pigs bathing in hypertonic salt solutions. *Pharmacological Research Communications*. 1985;17:501-12.
- [3] Sukenik S, Flusser D, Abu-Shakra M. THE ROLE OF SPA THERAPY IN VARIOUS RHEUMATIC DISEASES. *Rheumatic Disease Clinics of North America*. 1999;25:883-97.
- [4] Lund JW. Balneological use of thermal and mineral waters in the U.S.A. *Geothermics*. 1996;25:103-47.
- [5] Vaidya B, Nakarmi S. A Qualitative Study of Patients' Beliefs and Perception on Medicinal Properties of Natural Hot Spring Bath for Musculoskeletal Problems. *Journal of environmental and public health*. 2020;2020:3694627. Epub 2020/07/23.
- [6] Sas S, Kaya DO, Celenay ST. Comparison of Blood Pressure and Pulse Adaptations Between Younger and Older Patients During Balneotherapy With Physiotherapy. *Journal of Chiropractic Medicine*. 2022;21:197-203.
- [7] Verhagen AP, Cardoso JR, Bierma-Zeinstra SMA. Aquatic exercise & balneotherapy in musculoskeletal conditions. *Best Practice & Research Clinical Rheumatology*. 2012;26:335-43.
- [8] Herisson C, Tavares I, Thomas E, Françon A, Forestier R, Roques CF. Balneotherapy for rheumatic conditions – evidence based recommendations. *Annals of Physical and Rehabilitation Medicine*. 2014;57:e160.
- [9] Rapolienė L, Razbadauskas A, Mockevičienė D, Varžaitytė L, Skarbalienė A. Balneotherapy for musculoskeletal pain: does the mineral content matter? *International journal of biometeorology*. 2020;64:965-79. Epub 2019/10/13.
- [10] Morer C, Roques CF, Françon A, Forestier R, Maraver F. The role of mineral elements and other chemical compounds used in balneology: data from double-blind randomized clinical trials. *International journal of biometeorology*. 2017;61:2159-73. Epub 2017/08/30.
- [11] Thông tư 52/2014/TT-BTNMT, ngày 09/9/2014 về quy định phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên nước khoáng, nước nóng thiên nhiên;

3. Nguyên vật liệu

Là các thành phần khoáng vô cơ, được tổng hợp và phân tách từ các mỏ tự nhiên.

4. Yêu cầu kỹ thuật

4.1. Yêu cầu về ngoại quan

- **Trạng thái:** Bột đồng nhất.
- **Màu sắc, mùi vị:** Màu vàng đục nhạt, mùi đất đá khoáng nhẹ.

4.2. Các chỉ tiêu chất lượng

Khi hòa tan hoàn toàn 1 túi MIMUD (500g) vào 200L nước thủy cực, hàm lượng các khoáng nằm trong mức chất lượng như được mô tả trong Bảng dưới đây.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng
1	K ⁺	mg/L	20-70
2	Na ⁺	mg/L	100-300
3	Ca ²⁺	mg/L	5-70
4	Mg ²⁺	mg/L	5-70
5	Zn ²⁺	mg/L	0.5-10
6	HCO ₃ ⁻	mg/L	10-30
7	CO ₃ ²⁻	mg/L	0.2-10
8	SO ₄ ²⁻	mg/L	100-700
9	Cl ⁻	mg/L	100-500
10	SiO ₂ ²⁻	mg/L	3-30
11	Bùn lơ lửng	mg/L	1000-2000
12	Pb (Chì)	mg/L	Không phát hiện
13	As (Asen)	mg/L	Không phát hiện
14	Hg (Thủy ngân)	mg/L	Không phát hiện
15	Độ kích ứng da	-	Không đáng kể

4.3. Phương pháp thử

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử
1	K ⁺	TCVN 6196-3:2000
2	Na ⁺	TCVN 6196-3:2000
3	Ca ²⁺	SMEWW 3500-Ca B
4	Mg ²⁺	SMEWW 3500-Mg B
5	Zn ²⁺	TCVN 6193:1996
6	HCO ₃ ⁻	TCVN 6636-1:2000
7	CO ₃ ²⁻	TCVN 6636-1:2000
8	SO ₄ ²⁻	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E
9	Cl ⁻	TCVN 6194:1996
10	SiO ₂ ²⁻	SMEWW 4500-SiO ₂ B
11	Pb (Chì)	TCVN 6193:1996
12	As (Asen)	TCVN 6626:2000
13	Hg (Thủy ngân)	TCVN 7877:2008
14	Độ kích ứng da	ISO 10993-10:2010

5. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản

5.1. Bao gói

- Túi vải chứa bùn khoáng đảm bảo không rách thủng khi vận chuyển và bảo quản. Túi nilon bọc ngoài túi vải đảm bảo không rách thủng, chảy nhựa dưới trời nắng.
- Sản phẩm được đóng vào túi vải 500g, túi vải chứa trong túi nilon hàn kín.

5.2. Ghi nhãn

Nội dung ghi nhãn theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ ban hành Nghị định về nhãn hàng hóa và các văn bản hiện hành khác của nhà nước. Sản phẩm bùn khoáng ở dạng bột đóng vào túi vải có tài liệu chất lượng kèm theo với nội dung:

- Tên sản phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở này;
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;
- Khối lượng tịnh;
- Tháng, năm sản xuất;
- Tên và địa chỉ của doanh nghiệp đặt hàng sản xuất (nếu khách hàng yêu cầu);
- Khi xuất xứ kèm theo phiếu giao hàng, phiếu an toàn vật liệu và hướng dẫn sử dụng.

5.3. Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng các phương tiện vận tải có che chắn chống mưa và ẩm ướt.

5.4. Bảo quản

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp.

5.5. Thời hạn sử dụng

Thời hạn sử dụng là 24 tháng.

6. Hướng dẫn sử dụng

Pha vào nước tắm theo liều lượng 2.5 g/L.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
PHẠM TRỊ HUYỀN LY

lịch sử của việc ngâm tắm nước khoáng nóng



Nước khoáng nóng đã được người Hy Lạp, La Mã phát hiện và sử dụng từ hàng ngàn năm trước. Họ sử dụng nước khoáng nóng như một liệu pháp để xử lý các vấn đề về sức khỏe, thể chất lẫn tinh thần. Tại Nhật Bản, tắm Onsen với nguồn khoáng nóng là nét văn hóa lâu đời, và là biện pháp chăm sóc sức khỏe của người dân xứ sở Mặt Trời Mọc.

Tại Việt Nam, người ta biết đến việc ngâm tắm nước khoáng nóng từ năm 1900 nhờ người Pháp. 100 năm sau, phương thức này mới được nghiên cứu nghiêm túc và ứng dụng rộng rãi, để tạo ra những sản phẩm và dịch vụ phù hợp với người dân tại Việt Nam.

MIFO

khoáng ngâm chân





BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Số: 0123/CB-TME

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
Địa chỉ: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0973 911 157
Email: wa@wm-vd.com

CÔNG BỐ:

Tên tiêu chuẩn cơ sở: **TCCS 01:2023/TME**
Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: Khoáng ngậm chân
- Kiểu, loại, mã số: Sản phẩm dạng bột được chứa trong túi giấy.
- Nhân hiệu hàng hóa: MIFO
- Mã ký hiệu sản phẩm: TM-FM

Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 2 năm 2023



MIFO KHOÁNG NGẬM CHÂN

Khoáng ngậm chân MIFO là một sản phẩm được tổng hợp - chế biến từ các nguyên tố khoáng có trong tự nhiên, và pha chế với tỷ lệ đặc biệt thích hợp cho việc ngậm chân.

MIFO bổ sung các khoáng vi lượng hữu ích cho cơ thể, MIFO rất thích hợp cho việc hỗ trợ điều trị các bệnh ngoài da, thần kinh.

MIFO không chứa các chất phụ gia công nghiệp, không chứa chất tạo màu, tạo mùi.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0323/QĐ-TME

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 2 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành và công bố tiêu chuẩn áp dụng

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH KHOA HỌC & KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;
Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành và công bố áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở:

TCCS 01:2023/TME áp dụng cho sản phẩm Khoáng ngậm chân MIFO (Mã số sản phẩm: TM-FM).


Điều 2. Tiêu chuẩn cơ sở nêu trên là căn cứ để cam kết, công bố với khách hàng và các bên liên quan về chất lượng sản phẩm Khoáng ngậm chân MIFO do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và phân phối.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:


- Lưu công ty.





VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE

Website: www.deming.vn Email: info@deming.vn



VLAT 1.003
ISO 17025:2017

Mã số / Code
BN 46918-02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date: 01/04/2023
Trang/ Page: 01/02

Tên mẫu/ Name of Sample:
Ký hiệu mẫu/ Sample mark:
Số lượng mẫu/ Quantity:
Tình trạng mẫu/ Sample description:
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving:
Thời gian thử nghiệm/ Testing period:
Đơn vị gửi mẫu/ Client:
Địa chỉ/ Address:
Kết quả thử nghiệm/ Test results:

Khoảng ngâm chân MIFO

01

Mẫu dạng lỏng, chứa trong chai nhựa

23/03/2023


23/03/2023 - 01/04/2023

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH


68 Hồ Hoàn Nghiệp, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Xem tiếp trang 02/02

TRƯỜNG PHÒNG KỸ THUẬT 2
Head of Technical Division 2



LÊ TRỌNG NHÂN




LÊ THỊ MỘNG TRINH

- (*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 / Test Methods are accredited to ISO/IEC 17025
 - (**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Tested by Subcontract
 - (**) Phương pháp thử được chỉ định / Test methods are assigned
 - Các kết quả thử nghiệm gửi trong phạm vi chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi/ Test results are valid for the manually submitted sample(s) only
 - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của đơn gửi mẫu/ Name of sample and customer are written as customer's request
 - Không được trích sao một phần/Phiên bản kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming/ This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming

Address: Lot 21-22, B1.6, KDC Quang Thanh JB, Hoa Khanh Bac ward, Lien Chieu district, Da Nang city Tel: 0236.6562929 Fax: 0236.3617519


BM 06/QT.08 PQI*03.01/2022 Lần in số: 00





VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE

Website: www.deming.vn Email: info@deming.vn



VLAT 1.003
ISO 17025:2017

Mã số / Code
BN 46918-02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date: 01/04/2023
Trang/ Page: 02/02

TT No.	Chi tiêu thử nghiệm/ Test characteristic			Kết quả thử nghiệm/ Test result
	Tên chỉ tiêu/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test Method	
1.	Hàm lượng K ⁺	mg/L	TCVN 6196-3:2000	28,9
2.	Hàm lượng Mg ²⁺	mg/L	SMEWW 3111B	4,40
3.	Hàm lượng Zn ²⁺ (*)	mg/L	TCVN 6193:1996	0,025
4.	Hàm lượng Na ⁺ (**)	mg/L	TCVN 6196-3:2000	3206
5.	Hàm lượng Ca ²⁺	mg/L	SMEWW 3111B	0,15
6.	Hàm lượng HCO ₃ ⁻	mg/L	TCVN 6636-1:2000	325
7.	Hàm lượng CO ₃ ²⁻	mg/L	TCVN 6636-1:2000	143
8.	Hàm lượng SO ₄ ²⁻ (*)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E	89,1
9.	Hàm lượng Cl ⁻ (*)	mg/L	TCVN 6194:1996	179
10.	Hàm lượng Pb (*)	mg/L	TCVN 6193:1996	Không phát hiện (< 0,005)
11.	Hàm lượng Hg (*)	mg/L	TCVN 7877:2008	Không phát hiện (< 0,0005)
12.	Hàm lượng As (*)	mg/L	TCVN 6626:2000	Không phát hiện (< 0,001)
13.	Hàm lượng SiO ₂ ²⁻	mg/L	SMEWW 4500-SiO ₂ B	29,1
14.	Độ kích ứng da	-	ISO 10993-10:2010	Không đáng kể

- (*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 / Test Methods are accredited to ISO/IEC 17025
 - (**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Tested by Subcontract
 - (**) Phương pháp thử được chỉ định / Test methods are assigned
 - Các kết quả thử nghiệm gửi trong phạm vi chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi/ Test results are valid for the manually submitted sample(s) only
 - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của đơn gửi mẫu/ Name of sample and customer are written as customer's request
 - Không được trích sao một phần/Phiên bản kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming/ This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming

Address: Lot 21-22, B1.6, KDC Quang Thanh JB, Hoa Khanh Bac ward, Lien Chieu district, Da Nang city Tel: 0236.6562929 Fax: 0236.3617519

BM 06/QT.08 PQI*03.01/2022 Lần in số: 00





CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
TRAN MINH ENVIRONMENTAL SCIENCE AND ENGINEERING CO. LTD.

PHIẾU AN TOÀN SẢN PHẨM KHOÁNG NGÂM CHÂN
MATERIAL SAFETY DATA SHEET FOR MINERAL FOOTBATH

I. Nhận biết sản phẩm và thông tin nhà sản xuất
Product and Company Identification

1. Nhận dạng sản phẩm / Product Identification

Tên sản phẩm : Khoáng ngâm chân MIFO
Product name : Mineral footbath MIFO
Mã sản phẩm : TM-FM
Product code : TM-FM
Mục đích sử dụng : TM-FM (MIFO) dùng để ngâm chân, bổ sung khoáng cho cơ thể, tăng cường chức năng các bộ phận trong cơ thể, giảm stress, hỗ trợ các bệnh về cơ, xương, khớp,....
Product use : TM-FM is use soak feet, replenish minerals for the body, enhance the function of organs in the body, reduce stress, support diseases of muscles, bones,....

2. Thông tin công ty / Company information

Tên công ty : Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh
Company name : Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME)
Địa chỉ : 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Address : 68 Ho Huan Nghiep St., My An Ward, Ngu Hanh Son Dist., Da Nang City
Website : www.wm-vd.com
Email : wa@wm-vd.com
Hotline : 0973 911 157

II. Thông tin về thành phần các chất
Ingredients

THÀNH PHẦN INGREDIENT		Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Ký hiệu Symbol	Tên Name	Content (% by weight)
K ⁺	Potassium	2.8%
Na ⁺	Sodium	25.8%
Ca ²⁺	Calcium	1.1%
Mg ²⁺	Magnesium	2.2%
Zn ²⁺	Zinc	2%
HCO ₃ ⁻	Bicarbonate	21.8%
CO ₃ ²⁻	Carbonate	2.2%
SO ₄ ²⁻	Sulphate	11.8%
Cl ⁻	Chloride	11%
SiO ₃ ²⁻	Metasilicate	19.3%

Khoáng TM-FM (MIFO) màu trắng đục, mùi khoáng nhẹ.
TM-FM (MIFO) has opaque white color and slighty mineral smell.

Trang 1 / 5

III. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của sản phẩm
Hazards Identification

1. Cảnh báo nguy hiểm / Warning

- Tránh xa tầm tay trẻ em
Keep out of reach of children
- Khi bị khoáng dính vào mắt thì rửa lại bằng nước
Wash with water when contacting with mineral

2. Các đường tiếp xúc và triệu chứng / Routes of exposure and symptoms

- Đường mắt : Không gây kích ứng mắt
Eye contact : No eye irritation
- Đường da : Không gây kích ứng da
Skin contact : No skin irritation
- Đường tiêu hóa : Không được uống
Ingestion : No swallow
- Đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương
Inhalation, central nervous system : Không ảnh hưởng đến mũi, đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương
: No effect on nasal and respiratory and central nervous system.

IV. Biện pháp sơ cứu
First aid measures

- Rửa mắt : Rửa với nước sạch tối thiểu 1 phút. Đưa đến trung tâm y tế nếu thấy xót mắt.
Eyes : Flush with clean water for at least 1 minutes. Seek medical attention if eye irritation persists.
- Rửa da : Không ảnh hưởng đến da.
Skin : No bad effect on skin.
- Uống nước : Cho bệnh nhân uống 01 - 02 ly nước rồi chuyển họ đến trung tâm y tế.
Ingestion : Give 01 or 02 glasses of water and seek medical attention.
- Hô hấp : Không ảnh hưởng đến đường hô hấp.
Inhalation : No effect on respiratory.
- Đồ bảo hộ : Không cần dùng đồ bảo hộ.
Protective clothing : No safety ware needed.

V. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố
Accidental release measures

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Lau khô để tránh trơn trượt
Small spill: Clean up to prevent from slip.
- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Không để người đi qua lại để trơn trượt
Large spill: Avoid people surrounding and clean up to prevent from slip.

Trang 2 / 5

VI. Xử lý và bảo quản <i>Handling and storage</i>
<p>1. Thận trọng trong việc bảo quản / Precautions for Safe Handling</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tránh tiếp xúc với mắt. <i>Avoid contact with eyes.</i> <p>2. Điều kiện lưu trữ an toàn / Conditions for Safe Storage</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có lưu ý đặc biệt. <i>No specific caution.</i>
VII. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân <i>Exposure Controls/Personal Protection</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát kỹ thuật: Không có lưu ý đặc biệt. <i>Engineering Controls: No specific caution.</i> - Bảo vệ cá nhân: Không cần các biện pháp bảo vệ cá nhân. <i>Personal Protection: No safety ware needed.</i>
VIII. Đặc tính lý, hóa của sản phẩm <i>Physical and Chemical Properties</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Trạng thái: Bột <i>Status: Powder</i> - Khối lượng riêng đồ đóng: 1.4kg/L <i>Specific bulking weight: 1.4kg/L</i> - pH: 8.0 - 8.5
IX. Độ ổn định và khả năng hoạt động của khoáng <i>Stability and Reactivity</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng phản ứng: Không phản ứng. <i>Reactivity: Not reaction</i> - Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không có khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm. <i>Possibility of hazardous reactions: Inability to hazardous reactions</i> - Tính ổn định hóa học: Ổn định <i>Chemical stability: Stable</i>
X. Thông tin về độc tính <i>Toxicological Information</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp xúc qua đường hô hấp: Không ảnh hưởng đến hệ hô hấp, không ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương. <i>Inhalation: No effect on respiratory.</i> - Tiếp xúc qua da: Dung dịch không ảnh hưởng đến da. <i>Skin contact: The solution can cause neither skin burn nor irritation.</i> - Tiếp xúc qua mắt: Tiếp xúc có thể gây đỏ mắt. <i>Eye contact: Contact may cause redness and tearing.</i> - Tiếp xúc qua đường tiêu hóa: Nuốt có thể gây buồn nôn, nôn mửa. <i>Ingestion: Swallowing may cause nausea, vomiting.</i>

Trang 3 / 5

XI. Thông tin về sinh thái <i>Ecological Information</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Độc tính với hệ sinh thái: Không ảnh hưởng đến hệ sinh thái. <i>Ecotoxicity: No specific aquatic toxicity data is currently available.</i> - Đối với tầng ozone: Không làm tổn hại đến tầng ozone. <i>Its vapour is not harmful to ozone layer</i> - Các tác dụng ngoài ý khác: Chưa biết <i>Other adverse effects: Unknown</i>
XII. Yêu cầu trong việc thải bỏ <i>Disposal considerations</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý chất thải: Chất thải phải được xử lý theo các quy định về kiểm soát môi trường của địa phương. <i>Waste disposal: Waste must be disposed of in accordance with federal, state and local environmental control regulations.</i> - Có thể thải vào hệ thống xử lý nước thải hoặc thải bỏ thẳng ra cống với số lượng ít. <i>Discharge into wastewater treatment plant or directly to sewerage with small amount.</i>
XIII. Yêu cầu trong việc vận chuyển <i>Transportation information</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đặc biệt cho việc vận chuyển: Không có yêu cầu đặc biệt. <i>Special Provisions for Transport: No specific requirement.</i>
XIV. Thông tin khác <i>Other information</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Ngày tháng biên soạn lại phiếu: 17/2/2023 <i>Re-edited at: 17/2/2023</i> - Soạn thảo lại bởi: Công ty TNHH Khoa học & Kỹ thuật môi trường Trần Minh <i>Re-edited by: Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).</i>

Trang 4 / 5

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

TECHNICAL DATA SHEET

KHOÁNG NGÂM CHÂN TM-FM (MIFO)

BHSD / Edition: 02-2023/TME
Ngày ban hành / Valid: 17/2/2023

1. Xuất xứ / Origin

Khoáng ngâm chân TM-FM (MIFO) được nghiên cứu và sản xuất bởi công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh (TME).
Minerals TM-FM (MIFO) has been researched and produced by Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).

2. Thành phần / Composition

Khoáng TM-FM (MIFO) được sản xuất từ các chất khoáng vô cơ có thể hòa tan.
Minerals TM-FM is produced from inorganic minerals.
Khoáng ngâm chân TM-FM có mùi khoáng nhẹ, màu trắng đục.
TM-FM has opaque white color and slightly mineral smell.

3. Công năng / Performance

TM-FM dùng để ngâm chân, bổ sung khoáng cho cơ thể, tăng cường chức năng các bộ phận trong cơ thể, giảm stress, hỗ trợ các bệnh về cơ, xương, khớp....
TM-FM is use soak feet, replenish minerals for the body, enhance the function of organs in the body, reduce stress, support diseases of muscles, bones....

Khí sử dụng, dùng 50gam MIFO hòa tan vào 10L nước ấm 38-40°C. Ngâm chân trong nước khoáng nóng từ 25-30 phút. Lau khô và không rửa lại chân sau khi ngâm.

Dissolve 50g of MIFO in 10 liters of warm water at 38-40°C. Soak feet in the hot mineral water for 25-30 minutes. Allow feet to air dry and do not rinse after soaking.

Định lượng: Pha TM-FM vào nước theo tỷ lệ khối lượng [TM-FM:Nước] = 1:10
Dose for bathing: [TM-FM:Water] = 1:10

4. Thông tin đóng gói, bảo quản/ Packing and storage information

Bao bì / Packing: Bao giấy 50g/ Paper bag 50g
Bảo quản / Storage: Nơi khô thoáng / Stored in fresh & dry place
Hạn sử dụng / Expiry: 24 tháng kể từ ngày sản xuất / 24 months since manufacturing

Vui lòng xem tham khảo thêm tài liệu hướng dẫn an toàn (MSDS) để biết thêm thông tin lưu kho, bảo quản và sử dụng sản phẩm an toàn và hiệu quả.
Before using this product please consult our Material Safety Data Sheet (MSDS) for information on safe handling and storage.

Trang 5 / 5

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

Địa chỉ: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

ĐT: 0973911157; Web: www.wm-vd.com; Email: wa@wm-vd.com



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 01:2023/TME

TÊN SẢN PHẨM
KHOÁNG NGÂM CHÂN

NHÃN HIỆU SẢN PHẨM
MIFO

MÃ SẢN PHẨM
TM-FM

Đà Nẵng, tháng 2 năm 2023



1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho khoáng ngâm chân do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và kinh doanh.

Địa chỉ công ty: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

2. Tài liệu/Tiêu chuẩn tham khảo

- [1] Kamioka H, Mori Y, Nagata K, Iwanaga S, Uzura M, Yamaguchi S. Relationship of daily hot water bathing at home and hot water spa bathing with underlying diseases in middle-aged and elderly ambulatory patients: A Japanese multicenter cross-sectional study. *Complementary Therapies in Medicine*. 2019;43:232-9.
- [2] Shani J, Barak S, Levi D, Ram M, Schachner ER, Schlesinger T, Robberecht H, Van Grieken R, Avrach WW. Skin penetration of minerals in psoriasis and guinea-pigs bathing in hypertonic salt solutions. *Pharmacological Research Communications*. 1985;17:501-12.
- [3] Suenik S, Flusser D, Abu-Shakra M. THE ROLE OF SPA THERAPY IN VARIOUS RHEUMATIC DISEASES. *Rheumatic Disease Clinics of North America*. 1999;25:883-97.
- [4] Lund JW. Balneological use of thermal and mineral waters in the U.S.A. *Geothermics*. 1996;25:103-47.
- [5] Vaidya B, Nakarmi S. A Qualitative Study of Patients' Beliefs and Perception on Medicinal Properties of Natural Hot Spring Bath for Musculoskeletal Problems. *Journal of environmental and public health*. 2020;2020:3694627. Epub 2020/07/23.
- [6] Sas S, Kaya DO, Celenay ST. Comparison of Blood Pressure and Pulse Adaptations Between Younger and Older Patients During Balneotherapy With Physiotherapy. *Journal of Chiropractic Medicine*. 2022;21:197-203.
- [7] Verhagen AP, Cardoso JR, Bierma-Zeinstra SMA. Aquatic exercise & balneotherapy in musculoskeletal conditions. *Best Practice & Research Clinical Rheumatology*. 2012;26:335-43.
- [8] Herisson C, Tavares I, Thomas E, Françon A, Forestier R, Roques CF. Balneotherapy for rheumatic conditions – evidence based recommendations. *Annals of Physical and Rehabilitation Medicine*. 2014;57:e160.
- [9] Rapollién L, Razbadauskas A, Mockevičienė D, Varžaitytė L, Skarbaliénė A. Balneotherapy for musculoskeletal pain: does the mineral content matter? *International journal of biometeorology*. 2020;64:965-79. Epub 2019/10/13.
- [10] Morer C, Roques CF, Françon A, Forestier R, Maraver F. The role of mineral elements and other chemical compounds used in balneology: data from double-blind randomized clinical trials. *International journal of biometeorology*. 2017;61:2159-73. Epub 2017/08/30.
- [11] Thông tư 52/2014/TT-BTNMT, ngày 09/9/2014 về quy định phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên nước khoáng, nước nóng thiên nhiên;

3. Nguyên vật liệu

Là các thành phần khoáng vô cơ, được tổng hợp và phân tách từ các mỏ tự nhiên.

4. Yêu cầu kỹ thuật

4.1. Yêu cầu về ngoại quan

- Trạng thái: Bột đồng nhất.
- Màu sắc, mùi vị: Màu trắng, mùi đá khoáng nhẹ.

4.2. Các chỉ tiêu chất lượng

Khi hòa tan hoàn toàn 1 túi MIFO (50g) vào 10 lít nước ấm 38-40°C, hàm lượng các khoáng nằm trong mức chất lượng như được mô tả trong Bảng dưới đây.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng
1	K ⁺	mg/L	98,9-127,2
2	Na ⁺	mg/L	903-1161
3	Ca ²⁺	mg/L	37,8-48,6
4	Mg ²⁺	mg/L	77-99
5	Zn ²⁺	mg/L	70,7-90,8
6	HCO ₃ ⁻	mg/L	762,5-980,4
7	CO ₃ ²⁻	mg/L	76,1-97,8
8	SO ₄ ²⁻	mg/L	412,3-530,2
9	Cl ⁻	mg/L	385,8-496
10	SiO ₃ ²⁻	mg/L	675,9-869
11	Pb (Chì)	mg/L	Không phát hiện
12	As (Asen)	mg/L	Không phát hiện
13	Hg (Thủy ngân)	mg/L	Không phát hiện
14	Độ kích ứng da	-	Không đáng kể

4.3. Phương pháp thử

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử
1	K ⁺	TCVN 6196-3:2000
2	Na ⁺	TCVN 6196-3:2000
3	Ca ²⁺	SMEWW 3500-Ca B
4	Mg ²⁺	SMEWW 3500-Mg B
5	Zn ²⁺	TCVN 6193:1996
6	HCO ₃ ⁻	TCVN 6636-1:2000
7	CO ₃ ²⁻	TCVN 6636-1:2000
8	SO ₄ ²⁻	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E
9	Cl ⁻	TCVN 6194:1996
10	SiO ₃ ²⁻	SMEWW 4500-SiO ₂ B
11	Pb (Chì)	TCVN 6193:1996
12	As (Asen)	TCVN 6626:2000
13	Hg (Thủy ngân)	TCVN 7877:2008
14	Độ kích ứng da	ISO 10993-10:2010

5. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản**5.1. Bao gói**

- a) Túi giấy phía ngoài bên trong có túi nilon chứa khoáng, đảm bảo không rách thủng khi vận chuyển và bảo quản.
b) Sản phẩm được đóng vào túi giấy 50g nhỏ gọn.

5.2. Ghi nhãn

Nội dung ghi nhãn theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ ban hành Nghị định về nhãn hàng hóa và các văn bản hiện hành khác của nhà nước. Sản phẩm khoáng ngâm chân ở dạng bột đóng vào túi giấy có tài liệu chất lượng kèm theo với nội dung:

- Tên sản phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở này;
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;
- Khối lượng tịnh;
- Tháng, năm sản xuất;
- Tên và địa chỉ của doanh nghiệp đặt hàng sản xuất (nếu khách hàng yêu cầu);
- Khi xuất xưởng kèm theo phiếu giao hàng, phiếu an toàn vật liệu và hướng dẫn sử dụng.

5.3. Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng các phương tiện vận tải có che chắn chống mưa và ẩm ướt.

5.4. Bảo quản

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

5.5. Thời hạn sử dụng

Thời hạn sử dụng là 24 tháng.

6. Hướng dẫn sử dụng

Hòa tan 50g MIFO vào 10L nước ấm 38-40°C. Ngâm chân trong nước khoáng nóng từ 25-30 phút. Lau khô và không rửa lại chân sau khi ngâm.



GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HUYỀN LY

1872 C
- T Y
H
T T R U O N G
L N H
N H A N G

1- Giảm đau

Nước khoáng nóng có tác dụng giảm đau và làm giảm sự căng thẳng của các cơ bắp, giúp giảm đau cơ và khớp.

Ngâm chân trong nước khoáng nóng, giúp lưu thông máu và giảm căng thẳng.

4- Giảm sưng tấy

Việc ngâm chân trong nước khoáng nóng có tác dụng giảm sưng tấy, đặc biệt là đối với các cơn đau và viêm khớp, chứng nứt gót chân.

2- Giảm stress

Ngâm chân trong nước khoáng nóng có tác dụng giảm căng thẳng, lo âu và stress. Việc thư giãn trong không khí yên tĩnh và hòa mình vào nước ấm có thể giúp giảm stress hiệu quả.

3- Tăng cường tuần hoàn

Nước khoáng nóng có tác dụng giúp tăng cường tuần hoàn máu, giúp các tế bào và mô trong cơ thể được cung cấp đầy đủ oxy và dinh dưỡng.

5- Cải thiện giấc ngủ

Ngâm chân trong nước khoáng nóng có thể giúp cải thiện giấc ngủ và giảm các triệu chứng mất ngủ.

Công dụng của ngâm chân trong nước khoáng nóng



MINA

khoáng xịt

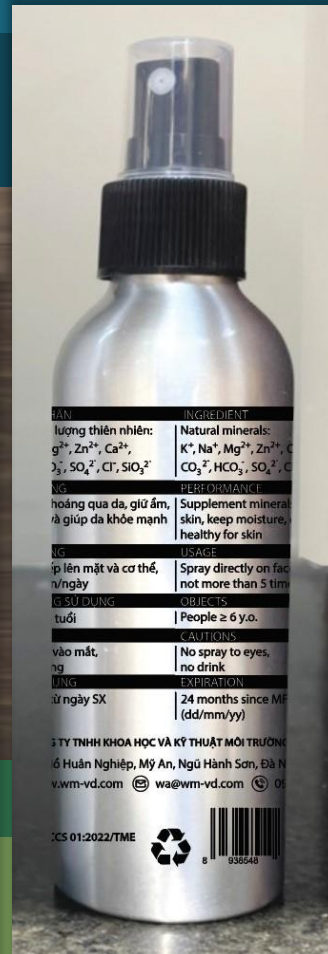


100ml

THÀNH PHẦN	INGREDIENT
Khoáng vi lượng thiên nhiên: K ⁺ , Na ⁺ , Mg ²⁺ , Zn ²⁺ , Ca ²⁺ , CO ₃ ²⁻ , HCO ₃ ⁻ , SO ₄ ²⁻ , Cl ⁻ , SiO ₃ ²⁻	Natural minerals: K ⁺ , Na ⁺ , Mg ²⁺ , Zn ²⁺ , Ca ²⁺ , CO ₃ ²⁻ , HCO ₃ ⁻ , SO ₄ ²⁻ , Cl ⁻ , SiO ₃ ²⁻
CÔNG NĂNG	PERFORMANCE
Bổ sung khoáng qua da, giữ ẩm, làm sạch và giúp da khỏe mạnh	Supplement minerals through skin, keep moisture, clean and healthy for skin
CÁCH DÙNG	USAGE
Xịt trực tiếp lên mặt và cơ thể, tối đa 5 lần/ngày	Spray directly on face and body, not more than 5 times per day
ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	OBJECTS
Người ≥ 6 tuổi	People ≥ 6 y.o.
CHÚ Ý	CAUTIONS
Không xịt vào mắt, không uống	No spray to eyes, no drink
HẠN SỬ DỤNG	EXPIRATION
24 tháng từ ngày SX	24 months since MFG (dd/mm/yy)

NSX: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
 68 Hồ Huân Nghiệp, Mỹ An, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
 www.wm-vd.com wa@wm-vd.com 0973 911 157

TCCS số: TCCS 01:2022/TME



HẠN	INGREDIENT
lượng thiên nhiên: K ⁺ , Na ⁺ , Mg ²⁺ , Zn ²⁺ , Ca ²⁺ , CO ₃ ²⁻ , HCO ₃ ⁻ , SO ₄ ²⁻ , Cl ⁻ , SiO ₃ ²⁻	Natural minerals: K ⁺ , Na ⁺ , Mg ²⁺ , Zn ²⁺ , Ca ²⁺ , CO ₃ ²⁻ , HCO ₃ ⁻ , SO ₄ ²⁻ , Cl ⁻ , SiO ₃ ²⁻
CÔNG NĂNG	PERFORMANCE
Bổ sung khoáng qua da, giữ ẩm, làm sạch và giúp da khỏe mạnh	Supplement minerals through skin, keep moisture, clean and healthy for skin
CÁCH DÙNG	USAGE
Xịt trực tiếp lên mặt và cơ thể, tối đa 5 lần/ngày	Spray directly on face and body, not more than 5 times per day
ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	OBJECTS
Người ≥ 6 tuổi	People ≥ 6 y.o.
CHÚ Ý	CAUTIONS
Không xịt vào mắt, không uống	No spray to eyes, no drink
HẠN SỬ DỤNG	EXPIRATION
24 tháng từ ngày SX	24 months since MFG (dd/mm/yy)

NSX: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
 68 Hồ Huân Nghiệp, Mỹ An, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
 www.wm-vd.com wa@wm-vd.com 0973 911 157

TCCS 01:2022/TME





BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
Số: 0122/CB-TME

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
Địa chỉ: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0973 911 157
Email: wa@wm-vt.com

CÔNG BỐ:

Tên tiêu chuẩn cơ sở: **TCCS 01:2022/TME**
Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: Khoáng xít
- Kiểu, loại, mã số: Sản phẩm dạng lỏng được chứa trong chai nhóm 100mL.
- Nhân hiệu hàng hóa Mã ký hiệu sản phẩm: MINA
- Mã ký hiệu sản phẩm: TM-SM

Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 1 năm 2022
ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HUỖNH LY

MINA

KHOÁNG XỊT

Khoáng xít MINA là một sản phẩm dạng dung dịch, chứa các thành phần khoáng vi lượng với tỷ lệ đặc biệt.

MINA không chứa các chất phụ gia công nghiệp, không chứa chất tạo màu, tạo mùi.

MINA mang lại cho người dùng một làn da khỏe mạnh, giúp chống lại các tác nhân gây hại từ môi trường, đồng thời bổ sung khoáng vi lượng cho cơ thể.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0122/QĐ-TME

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 1 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành và công bố tiêu chuẩn áp dụng

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH KHOA HỌC & KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;
Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;
Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành và công bố áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở: **TCCS 01:2022/TME** áp dụng cho sản phẩm Khoáng xít MINA (Mã sản phẩm: TM-SM).
Điều 2. Tiêu chuẩn cơ sở nêu trên là căn cứ để cam kết, công bố với khách hàng và các bên liên quan về chất lượng sản phẩm Khoáng xít MINA do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và phân phối.
Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Lưu công ty.



ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HUỖNH LY



VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE

Website: www.deming.vn Email: info@deming.vn

Mã số / Code
BN 46918-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/ Date: 01/04/2023
Trang/ Page: 01/02

Tên mẫu/ Name of Sample: Khoáng xít MINA

Ký hiệu mẫu/ Sample mark:

Số lượng mẫu/ Quantity: 01

Tình trạng mẫu/ Sample description: Mẫu dạng lỏng, chứa trong chai nhựa

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 23/03/2023


Thời gian thử nghiệm/ Testing period: 23/03/2023 - 01/04/2023

Đơn vị gửi mẫu/ Client: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH




Địa chỉ/ Address: 68 Hồ Huân Nghiệp, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Kết quả thử nghiệm/ Test results: Xem tiếp trang 02/02

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2
Head of Technical Division 2



LÊ TRỌNG NHÂN

LÊ THỊ MỘNG TRINH

- (*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 / Test Methods are accredited to ISO/IEC 17025

- (**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thừa phụ / Tested by Subcontract

- (v) Phương pháp thử được chỉ định / Test methods are assigned


- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đã khách hàng gửi/ Test results are valid for the namely submitted sample (s) only

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông tin theo yêu cầu của nhà gửi mẫu/ Name of sample and customer are written as customer's request

- Không được in ấn sao chép Phiếu kết quả thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming/ This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.



Address: Lot 21-22, B1/B, KDC Quang Thành 3B, Hẻm Khánh Bạc ward, Liên Chiểu district, Đà Nẵng (vn) Tel: 0236.6562929 Fax: 0236.3617519

Liên hệ số: 00



VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE

Website: www.deming.vn Email: info@deming.vn


Mã số / Code
BN 46918-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT




Ngày/ Date: 01/04/2023
Trang/ Page: 02/02

TT No.	Chi tiêu thử nghiệm/ Test characteristic			Kết quả thử nghiệm/ Test result
	Tên chi tiêu/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test Method	
1.	Hàm lượng K ⁺	mg/L	TCVN 6196-3:2000	742
2.	Hàm lượng Mg ²⁺	mg/L	SMEWW 3111B	6,44
3.	Hàm lượng Zn ²⁺ (*)	mg/L	TCVN 6193:1996	0,029
4.	Hàm lượng Na ⁺ (*)	mg/L	TCVN 6196-3:2000	6168
5.	Hàm lượng Ca ²⁺	mg/L	SMEWW 3111B	0,064
6.	Hàm lượng HCO ₃ ⁻	mg/L	TCVN 6636-1:2000	6027
7.	Hàm lượng CO ₃ ²⁻	mg/L	TCVN 6636-1:2000	3204
8.	Hàm lượng SO ₄ ²⁻ (*)	mg/L	TCVN 6200:1996	1823
9.	Hàm lượng Cl ⁻ (*)	mg/L	TCVN 6194:1996	3257
10.	Hàm lượng Pb ⁺ (*)	mg/L	TCVN 6193:1996	Không phát hiện (< 0,005)
11.	Hàm lượng Hg ⁺ (*)	mg/L	TCVN 7877:2008	Không phát hiện (< 0,0005)
12.	Hàm lượng As ⁺ (*)	mg/L	TCVN 6626:2000	Không phát hiện (< 0,001)
13.	Hàm lượng SiO ₂ ²⁻	mg/L	SMEWW 4500-SiO ₂ B	188
14.	Độ kích ứng da	-	ISO 10993-10:2010	Không đáng kể

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2
Head of Technical Division 2



LÊ TRỌNG NHÂN

LÊ THỊ MỘNG TRINH

- (*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 / Test Methods are accredited to ISO/IEC 17025

- (**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thừa phụ / Tested by Subcontract

- (v) Phương pháp thử được chỉ định / Test methods are assigned

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đã khách hàng gửi/ Test results are valid for the namely submitted sample (s) only

- Tên mẫu, tên khách hàng, thông tin theo yêu cầu của nhà gửi mẫu/ Name of sample and customer are written as customer's request

- Không được in ấn sao chép Phiếu kết quả thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming/ This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.

Address: Lot 21-22, B1/B, KDC Quang Thành 3B, Hẻm Khánh Bạc ward, Liên Chiểu district, Đà Nẵng city Tel: 0236.6562929 Fax: 0236.3617519

Liên hệ số: 00



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH
TRAN MINH ENVIRONMENTAL SCIENCE AND ENGINEERING CO. LTD.

PHIẾU AN TOÀN SẢN PHẨM KHOÁNG XỊT
MATERIAL SAFETY DATA SHEET FOR ARTIFICIAL MINERALS

I. Nhận biết sản phẩm và thông tin nhà sản xuất
Product and Company Identification

1. Nhận dạng sản phẩm / Product Identification

Tên sản phẩm : Khoáng xịt MINA
Product name : Spraying minerals MINA
Mã sản phẩm : TM-SM
Product code : TM-SM
Mục đích sử dụng : TM-SM (MINA) dùng để xịt vào mặt và cơ thể, giúp bổ sung khoáng qua đường da, ngăn ngừa lão hóa da, giữ ẩm, làm sạch, và giúp da khỏe mạnh...
Product use : TM-SM (MINA) is applied for face and body, supplementing mineral through skin preventing from aging, maintaining moisture, cleaning, and keep skin healthy, ...

2. Thông tin công ty / Company information

Tên công ty : Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh
Company name : Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME)
Địa chỉ : 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Address : 68 Ho Huan Nghiep St., My An Ward, Ngu Hanh Son Dist., Da Nang City
Website : www.wm-vd.com
Email : wa@wm-vd.com
Hotline : 0973 911 157

II. Thông tin về thành phần các chất
Ingredients

THÀNH PHẦN INGREDIENT		Hàm lượng (mg/L) Content (mg/L)
Ký hiệu Symbol	Tên Name	
K ⁺	Potassium	400-600
Na ⁺	Sodium	2000-6000
Ca ²⁺	Calcium	100-1400
Mg ²⁺	Magnesium	100-1400
Zn ²⁺	Zinc	10-200
HCO ₃ ⁻	Bicarbonate	200-600
CO ₃ ²⁻	Carbonate	4-200
SO ₄ ²⁻	Sulphate	2000-14000
Cl ⁻	Chloride	2000-10000
SiO ₂ ²⁻	Metasilicate	60-600

Khoáng xịt TM-SM (MINA) màu trắng đục, mùi khoáng nhẹ.
TM-SM (MINA) has opaque white color and slightly mineral smell.

III. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của sản phẩm
Hazards Identification

1. Cảnh báo nguy hiểm / Warning

- Tránh xa tầm tay trẻ em
Keep out of reach of children
- Khi bị khoáng dính vào mắt thì rửa lại bằng nước
Wash with water when contacting with mineral

2. Các đường tiếp xúc và triệu chứng / Routes of exposure and symptoms

- Đường mắt : Không gây kích ứng mắt
Eye contact : No eye irritation
- Đường da : Không gây kích ứng da
Skin contact : No skin irritation
- Đường tiêu hóa : Không được uống
Ingestion : No swallow
- Đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương : Không ảnh hưởng đến mũi, đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương
Inhalation, central nervous system : No effect on nasal and respiratory and central nervous system.

IV. Biện pháp sơ cứu
First aid measures

- Đường mắt : Rửa với nước sạch tối thiểu 1 phút. Đưa đến trung tâm y tế nếu thấy xôn mắt.
Eyes : Flush with clean water for at least 1 minutes. Seek medical attention if eye irritation persists.
- Đường da : Không ảnh hưởng đến da.
Skin : No bad effect on skin.
- Đường tiêu hóa : Cho bệnh nhân uống 01 - 02 ly nước rồi chuyển họ đến trung tâm y tế.
Ingestion : Give 01 or 02 glasses of water and seek medical attention.
- Đường hô hấp : Không ảnh hưởng đến đường hô hấp.
Inhalation : No effect on respiratory.
- Đồ bảo hộ : Không cần dùng đồ bảo hộ.
Protective clothing : No safety ware needed.

V. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố
Accidental release measures

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Lau khô để tránh trơn trượt
Small spill: Clean up to prevent from slip.
- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Không để người đi qua lại dễ trơn trượt
Large spill: Avoid people surrounding and clean up to prevent from slip.

VI. Xử lý và bảo quản Handling and storage
<p>1. Thận trọng trong việc bảo quản / Precautions for Safe Handling</p> <ul style="list-style-type: none"> Tránh tiếp xúc với mắt. Avoid contact with eyes. <p>2. Điều kiện lưu trữ an toàn / Conditions for Safe Storage</p> <ul style="list-style-type: none"> Không có lưu ý đặc biệt. No specific caution.
VII. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân Exposure Controls/Personal Protection
<ul style="list-style-type: none"> Kiểm soát kỹ thuật: Không có lưu ý đặc biệt. Engineering Controls: No specific caution. Bảo vệ cá nhân: Không cần các biện pháp bảo vệ cá nhân. Personal Protection: No safety ware needed.
VIII. Đặc tính lý, hóa của sản phẩm Physical and Chemical Properties
<ul style="list-style-type: none"> Trạng thái: Lỏng Status: Liquid Khối lượng riêng: 1.17 kg/L Density: 1.17 kg/L pH: 8.5 - 9.0
IX. Độ ổn định và khả năng hoạt động của khoáng Stability and Reactivity
<ul style="list-style-type: none"> Khả năng phản ứng: Không phản ứng. Reactivity: Not reaction Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không có khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm. Possibility of hazardous reactions: Inability to hazardous reactions Tính ổn định hóa học: Ổn định Chemical stability: Stable
X. Thông tin về độc tính Toxicological Information
<ul style="list-style-type: none"> Tiếp xúc qua đường hô hấp: Không ảnh hưởng đến hệ hô hấp, không ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương. Inhalation: No effect on respiratory. Tiếp xúc qua da: Dung dịch không ảnh hưởng đến da. Skin contact: The solution can cause neither skin burn nor irritation. Tiếp xúc qua mắt: Tiếp xúc có thể gây đỏ mắt. Eye contact: Contact may cause redness and tearing. Tiếp xúc qua đường tiêu hóa: Nuốt có thể gây buồn nôn, nôn mửa. Ingestion: Swallowing may cause nausea, vomiting.

Trang 3 / 5

XI. Thông tin về sinh thái Ecological information
<ul style="list-style-type: none"> Độc tính với hệ sinh thái: Không ảnh hưởng đến hệ sinh thái. Ecotoxicity: No specific aquatic toxicity data is currently available. Độc với tầng ozone: Không làm tổn hại đến tầng ozone. Its vapour is not harmful to ozone layer Các tác dụng ngoài ý khác: Chưa biết Other adverse effects: Unknown
XII. Yêu cầu trong việc thải bỏ Disposal considerations
<ul style="list-style-type: none"> Xử lý chất thải: Chất thải phải được xử lý theo các quy định về kiểm soát môi trường của địa phương. Waste disposal: Waste must be disposed of in accordance with federal, state and local environmental control regulations. Có thể thải vào hệ thống xử lý nước thải hoặc thải bỏ thẳng ra cống với số lượng ít. Discharge into wastewater treatment plant or directly to sewerage with small amount.
XIII. Yêu cầu trong việc vận chuyển Transportation information
<ul style="list-style-type: none"> Yêu cầu đặc biệt cho việc vận chuyển: Không có yêu cầu đặc biệt. Special Provisions for Transport: No specific requirement.
XIV. Thông tin khác Other information
<ul style="list-style-type: none"> Ngày tháng biên soạn lại phiếu: 24/9/2022 Re-edited at: 24/9/2022 Soạn thảo lại bởi: Công ty TNHH Khoa học & Kỹ thuật môi trường Trần Minh Re-edited by: Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).

Trang 4 / 5

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM
TECHNICAL DATA SHEET
KHOÁNG XIT TM-SM (MINA)

 BHSD / Edition: 04/2021/TME
 Ngày ban hành / Valid: 20/4/2021

1. Xuất xứ / Origin
Khoáng xit TM-SM (MINA) được nghiên cứu và sản xuất bởi công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh (TME).
Minerals TM-SM (MINA) has been researched and produced by Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).

2. Thành phần / Composition
Khoáng TM-SM (MINA) được sản xuất từ các chất khoáng vô cơ có thể hòa tan.
Minerals TM-SM is produced from inorganic minerals.
Khoáng xit TM-SM có mùi khoáng nhẹ, không màu.
TM-IM has slightly mineral smell and no color.

3. Công năng / Performance
TM-SM (MINA) dùng để xịt vào mặt và cơ thể, giúp bổ sung khoáng qua đường da, ngăn ngừa lão hóa da, giữ ẩm, làm sạch, và giúp da khỏe mạnh...
TM-IM (MINA) is applied for face and body, supplementing mineral through skin preventing from aging, maintaining moisture, cleaning, and keep skin healthy...
Khi sử dụng, xịt MINA vào mặt hoặc trên cơ thể.
Spread MINA on face or body.

Định lượng: Không có định lượng.
Dose for application: No dosage required.

4. Thông tin đóng gói, bảo quản/ Packing and storage information
Bao bì / Packing: Chai nhôm 100mL / Aluminium bottle 100mL
Bảo quản / Storage: Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp / Stored in fresh & dry place, avoid direct sunlight
Hạn sử dụng / Expiry: 24 tháng kể từ ngày sản xuất / 24 months since manufacturing

Vui lòng xem thêm khoáng tài liệu hướng dẫn an toàn (MSDS) để biết thêm thông tin lưu kho, bảo quản và sử dụng sản phẩm an toàn và hiệu quả.
Before using this product please consult our Material Safety Data Sheet (MSDS) for information on safe handling and storage.

Trang 5 / 5

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

Địa chỉ: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
 DT: 0973911157; Web: www.wm-vd.com; Email: wa@wm-vd.com



TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 01:2022/TME

TÊN SẢN PHẨM
KHOÁNG XỊT

NHÃN HIỆU SẢN PHẨM
MINA

MÃ SẢN PHẨM
TM-SM

Đà Nẵng, tháng 1 năm 2022



1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho Khoáng xít do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và kinh doanh.

Địa chỉ công ty: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

2. Tài liệu/Tiêu chuẩn tham khảo

- [1] Kamioka H, Mori Y, Nagata K, Iwanaga S, Uzura M, Yamaguchi S. Relationship of daily hot water bathing at home and hot water spa bathing with underlying diseases in middle-aged and elderly ambulatory patients: A Japanese multicenter cross-sectional study. *Complementary Therapies in Medicine*. 2019;43:232-9.
- [2] Shani J, Barak S, Levi D, Ram M, Schachner ER, Schlesinger T, Robberecht H, Van Grieken R, Avrach WW. Skin penetration of minerals in psoriatics and guinea-pigs bathing in hypertonic salt solutions. *Pharmacological Research Communications*. 1985;17:501-12.
- [3] Sukenik S, Flusser D, Abu-Shakra M. THE ROLE OF SPA THERAPY IN VARIOUS RHEUMATIC DISEASES. *Rheumatic Disease Clinics of North America*. 1999;25:883-97.
- [4] Lund JW. Balneological use of thermal and mineral waters in the U.S.A. *Geothermics*. 1996;25:103-47.
- [5] Vaidya B, Nakarmi S. A Qualitative Study of Patients' Beliefs and Perception on Medicinal Properties of Natural Hot Spring Bath for Musculoskeletal Problems. *Journal of environmental and public health*. 2020;2020:3694627. Epub 2020/07/23.
- [6] Sas S, Kaya DO, Celenay ST. Comparison of Blood Pressure and Pulse Adaptations Between Younger and Older Patients During Balneotherapy With Physiotherapy. *Journal of Chiropractic Medicine*. 2022;21:197-203.
- [7] Verhagen AP, Cardoso JR, Bierra-Zeinsträ SMA. Aquatic exercise & balneotherapy in musculoskeletal conditions. *Best Practice & Research Clinical Rheumatology*. 2012;26:335-43.
- [8] Herisson C, Tavares I, Thomas E, Françon A, Forestier R, Roques CF. Balneotherapy for rheumatic conditions – evidence based recommendations. *Annals of Physical and Rehabilitation Medicine*. 2014;4:57.e160.
- [9] Rapolienė L, Razbadauskas A, Mockevičienė D, Varžaitytė L, Skarbalienė A. Balneotherapy for musculoskeletal pain: does the mineral content matter? *International journal of biometeorology*. 2020;64:965-79. Epub 2019/10/13.
- [10] Morer C, Roques CF, Françon A, Forestier R, Maraver F. The role of mineral elements and other chemical compounds used in balneology: data from double-blind randomized clinical trials. *International journal of biometeorology*. 2017;61:2159-73. Epub 2017/08/30.
- [11] Thông tư 52/2014/TT-BTNMT, ngày 09/9/2014 về quy định phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên nước khoáng, nước nóng thiên nhiên;

3. Nguyên vật liệu

Là các thành phần khoáng vô cơ, được tổng hợp và phân tách từ các mỏ tự nhiên.

4. Yêu cầu kỹ thuật

4.1. Yêu cầu về ngoại quan

- Trạng thái: Lóng đồng nhất.
- Màu sắc, mùi vị: Không màu, mùi đá khoáng nhẹ.

4.2. Các chỉ tiêu chất lượng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng
1	K ⁺	mg/L	400-1400
2	Na ⁺	mg/L	2000-6000
3	Ca ²⁺	mg/L	100-1400
4	Mg ²⁺	mg/L	100-1400
5	Zn ²⁺	mg/L	10-200
6	HCO ₃ ⁻	mg/L	200-600
7	CO ₃ ²⁻	mg/L	4-200
8	SO ₄ ²⁻	mg/L	2000-14000
9	Cl ⁻	mg/L	2000-10000
10	SiO ₂ ²⁻	mg/L	60-600
11	Pb (Chì)	mg/L	Không phát hiện
12	As (Asen)	mg/L	Không phát hiện
13	Hg (Thủy ngân)	mg/L	Không phát hiện
14	Độ kích ứng da	-	Không đáng kể

4.3. Phương pháp thử

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử
1	K ⁺	TCVN 6196-3:2000
2	Na ⁺	TCVN 6196-3:2000
3	Ca ²⁺	SMEWW 3500-Ca B
4	Mg ²⁺	SMEWW 3500-Mg B
5	Zn ²⁺	TCVN 6193:1996
6	HCO ₃ ⁻	TCVN 6636-1:2000
7	CO ₃ ²⁻	TCVN 6636-1:2000
8	SO ₄ ²⁻	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E
9	Cl ⁻	TCVN 6194:1996
10	SiO ₂ ²⁻	SMEWW 4500-SiO ₂ B
11	Pb (Chì)	TCVN 6193:1996
12	As (Asen)	TCVN 6626:2000
13	Hg (Thủy ngân)	TCVN 7877:2008
14	Độ kích ứng da	ISO 10993-10:2010

**5. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản****5.1. Bao gói**

- Chai nhôm chứa dung dịch khoáng đảm bảo không rách thủng khi vận chuyển và bảo quản. Chai không được bóp méo dưới trời nắng.
- Sản phẩm được đóng vào chai nhôm 100mL.

5.2. Ghi nhãn

Nội dung ghi nhãn theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ ban hành Nghị định về nhãn hàng hóa và các văn bản hiện hành khác của nhà nước. Sản phẩm khoáng xịt ở dạng lỏng đóng vào chai nhôm có tài liệu chất lượng kèm theo với nội dung:

- Tên sản phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở này;
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;

- Khối lượng tịnh;
- Tháng, năm sản xuất;
- Tên và địa chỉ của doanh nghiệp đặt hàng sản xuất (nếu khách hàng yêu cầu);
- Khí xuất xưởng kèm theo phiếu giao hàng, phiếu an toàn vật liệu và hướng dẫn sử dụng.

5.3. Vận chuyển

Sản phẩm khi được vận chuyển không bị vật nặng đè lên và bằng các phương tiện vận tải có che chắn che ánh sáng mặt trời trực tiếp.

5.4. Bảo quản

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp.

5.5. Thời hạn sử dụng

Thời hạn sử dụng là 24 tháng.

6. Hướng dẫn sử dụng

Xịt thẳng vào mặt, cơ thể, không xịt vào mắt.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC
PHẠM TRÍ HUỲNH LY



MINA được khuyến khích dùng 3-5 lần/ngày

Khoáng xịt MINA là một sản phẩm chăm sóc da bằng những khoáng chất cần thiết, giúp duy trì độ ẩm, nuôi dưỡng làn da. MINA được sử dụng bằng cách phun sương, các khoáng chất hữu ích trong những hạt nước siêu mịn sẽ nhanh chóng ngấm vào da qua lỗ chân lông.

Cách sử dụng chai xịt khoáng

Giữ chai xịt khoáng song song và cách 20-30 cm với mặt hay vùng da cần xịt:

1- Nhấn và giữ nút xịt.

2- Di chuyển chai xịt khoáng xoay quanh khuôn mặt và vùng cổ hoặc cánh tay, để dung dịch khoáng phun sương bao phủ vùng được xịt.

3- Dùng tay vỗ nhẹ lên vùng da đã xịt để dung dịch thấm vào lỗ chân lông nhiều và nhanh.

1- Cấp ẩm tức thì và hiệu quả nhanh cho da

Xịt khoáng dưỡng ẩm, cấp nước cho làn da, giúp da luôn duy trì được độ ẩm cần thiết. Làn da vì thế tránh được tình trạng tiết dầu do mất nước, mềm mại, tươi tắn cả ngày dù làm việc trong môi trường máy lạnh hay ngoài trời.

4- Làm sạch da tạm thời

Trong một số trường hợp, khi bạn muốn làm sạch da mặt nhưng không có điều kiện sử dụng sữa rửa mặt hay nước tẩy trang, khoáng xịt MINA sẽ giúp bạn làm sạch da tạm thời. Chỉ cần xịt MINA lên mặt rồi dùng bông tẩy trang hay khăn giấy mềm lau lại mặt cho thật sạch.

2- Xịt khoáng làm dịu da

Khi tiếp xúc với ánh nắng mặt trời trong nhiều giờ đồng hồ, làn da sẽ trở nên mất nước, khô và bỏng rát. Khi đó, xịt khoáng dưỡng da và làm dịu da, giúp bạn trở nên dễ chịu hơn. Vì vậy, đây là sản phẩm không thể thiếu trong các chuyến du lịch hay picnic ngoài trời.

3- Bảo vệ da khỏi các tác nhân bên ngoài

Các khoáng chất có trong khoáng xịt MINA giúp chống nắng và tạo lớp bảo vệ da khỏi những tác nhân từ môi trường: khói, bụi... Nhờ đó, làn da tránh được những tác động tiêu cực từ bên ngoài, khỏe đẹp và tươi tắn hơn.

5- Chăm sóc tóc

MINA còn chăm sóc và bảo vệ tóc. Bất cứ khi nào mái tóc của bạn có biểu hiện khô rối, hư tổn, hãy phun MINA lên mái tóc, tóc bạn sẽ được cung cấp đủ dưỡng chất, độ ẩm và trở nên mềm mại, mượt mà hơn rõ rệt, thúc đẩy mọc tóc con.

Công dụng của khoáng xịt MINA

thông tin liên hệ



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC & KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH (TME)

Địa chỉ: Số 68 - Hồ Huân Nghiệp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng
Hotline: 0973 911 157 Email: wa@wm-vd.com Website: www.wm-vd.com